



INITIATIVE ON  
Low-Emission  
Food Systems

# Hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long

## Chính sách và thực tiễn

Phạm Thu Thủy

Trần Ngọc Mỹ Hoa

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Thủy Anh

Nguyễn Tuấn Việt

Nguyễn Đức Tú

Tăng Thị Kim Hồng

Nguyễn Đình Yên Khuê

Nguyễn Trung Sơn

Trần Văn Nhường



# Hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long

## Chính sách và thực tiễn

### Phạm Thu Thủy

Đại học Adelaide, Australia - Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) - Tổ chức Nông lâm Thế giới (ICRAF)

### Trần Ngọc Mỹ Hoa

CIFOR-ICRAF

### Nguyễn Thị Vân Anh

CIFOR-ICRAF

### Nguyễn Thị Thủy Anh

CIFOR-ICRAF

### Nguyễn Tuấn Việt

Global Alliance for Inclusion and Nature Positive

### Nguyễn Đức Tú

Đại học Adelaide, Australia

### Tăng Thị Kim Hồng

Trường Đại học Nông lâm, Thành phố Hồ Chí Minh

### Nguyễn Đình Yên Khuê

Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

### Nguyễn Trung Sơn

Đại học Công Đoàn

### Trần Văn Nhưồng

Trung tâm Nghề cá Thế giới

Báo cáo chuyên đề 11

©2023 CIFOR-ICRAF



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

ISBN: 978-9966-108-81-4

DOI: 10.17528/cifor-icraf/009041

Phạm TT, Trần NMH, Nguyễn TVA, Nguyễn TTA, Nguyễn TV, Nguyễn DT, Tăng TKH, Nguyễn DYK, Nguyễn TS và Trần VN. 2023. *Hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long: Chính sách và thực tiễn*. Báo cáo chuyên đề 11. Bogor, Indonesia: Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR); Nairobi, Kenya: Tổ chức Nông Lâm Thế Giới (ICRAF).

Ảnh được chụp bởi Lê Phát Quới/Trung tâm Khoa học, Môi trường và Sinh thái Thành phố Hồ Chí Minh. Hệ thống nông lâm kết hợp ở tỉnh An Giang.

CIFOR

Jl. CIFOR, Situ Gede

Bogor Barat 16115

Indonesia

T +62 (251) 8622622

F +62 (251) 8622100

E [cifor@cifor-icraf.org](mailto:cifor@cifor-icraf.org)

ICRAF

United Nations Avenue, Gigiri

PO Box 30677, Nairobi, 00100

Kenya

T +254 (20) 7224000

F +254 (20) 7224001

E [worldagroforestry@cifor-icraf.org](mailto:worldagroforestry@cifor-icraf.org)

**[cifor-icraf.org](http://cifor-icraf.org)**

Tất cả các thiết kế về hình ảnh và tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện bất cứ quan điểm nào của CIFOR-ICRAF, các đối tác hay các nhà tài trợ về các quy định hiện hành của quốc gia.

# Mục lục

Danh mục bảng và hình	iv
Lời cảm ơn	v
Tóm tắt tổng quan	vi
1 Mở đầu	1
2 Hệ thống lương thực phát thải thấp	3
3 Quan điểm của Việt Nam về an ninh lương thực và hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp	5
3.1 An ninh lương thực	5
3.2 Giảm phát thải trong hệ thống lương thực thực phẩm	5
4 Cơ hội cho việc phát triển hệ thống sản xuất lương thực phát thải thấp tại Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long	10
4.1 Cam kết nguồn lực tài chính cho biến đổi khí hậu và giảm phát thải hệ thống lương thực thực phẩm của Chính phủ và các bên liên quan đã được đẩy mạnh	10
4.2 Nền tảng pháp lý về an ninh lương thực đang dần được hoàn thiện và có nhiều chính sách đột phá	11
4.3 Ưu thế về thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường của các mặt hàng nông sản ĐBSCL trên thị trường quốc tế	22
4.4 Cơ cấu tổ chức liên cấp và liên ngành	22
4.5 Ngày càng có nhiều hợp tác xã đầu tư chuỗi liên kết khép kín từ khâu tổ chức sản xuất vùng nguyên liệu xây dựng nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp	25
4.6 Đã có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp phát thải thấp tồn tại trong thực tế tại ĐBSCL cung cấp những dẫn chứng khoa học để có thể nhân rộng	25
5 Thách thức cho sản xuất phát triển hệ thống sản xuất lương thực giảm phát thải thấp tại ĐBSCL	27
5.1 Khó khăn về các yếu tố môi trường	28
5.2 Khó khăn về chính trị, chính sách và thể chế	29
5.3 Thách thức về xã hội	32
5.4 Thách thức về kinh tế	33
5.5 Khó khăn cho từng loại hình thực phẩm	35
6 Kết luận	36
Tài liệu tham khảo	37

# Danh mục bảng và hình

## Bảng

1	Chiến lược giảm phát thải của một số ngành hàng nông lâm thủy sản quan trọng của Việt Nam	11
2	Chính sách vĩ mô có ảnh hưởng lớn đến thực thi hệ thống sản xuất lương thực phát thải thấp ở vùng ĐBSCL	14
3	Các chính sách của tỉnh các ĐBSCL trong phát triển kinh tế xã hội, môi trường và an ninh lương thực	19
4	Chức năng và nhiệm vụ chính của các bên có liên quan trong việc xây dựng, thực thi và giám sát chính sách kinh tế, xã hội và môi trường tại ĐBSCL	23
5	Một số hướng dẫn và đề xuất cho hệ thống thực phẩm phát thải thấp tại ĐBSCL	26
6	Rủi ro tiềm năng từ việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ sinh thái ven biển và giảm phát thải trong hệ thống sản xuất lương thực tại ĐBSCL	30
7	Khó khăn thách thức cho một số loại hình thực phẩm	35

## Hình

1	Tổng quan về hệ thống lương thực	4
2	Định nghĩa và mục tiêu của Việt Nam về an ninh lương thực trên các cấp độ quản lý khác nhau	6
3	Quan điểm của Việt Nam về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030	7
4	Mục tiêu của chương trình an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030	8
5	Các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực đến năm 2023	17
6	Giải pháp cho hệ thống lương thực phát thải thấp tại Việt Nam	18
7	Các thách thức về thể chế, môi trường, kinh tế và xã hội để phát triển bền vững ĐBSCL	27
8	Khó khăn trong việc thực hiện chính sách giảm phát thải trong hệ thống lương thực thực phẩm tại ĐBSCL được đề cập trong các báo cáo của 13 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL trong giai đoạn 2018–2023	28

# Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Chương trình nghiên cứu của CGIAR về Hệ thống lương thực phát thải thấp đã tài trợ cho nghiên cứu này.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ nghiên cứu này qua đóng góp vào Quỹ CGIAR Trust Fund. Sáng kiến về Hệ thống lương thực phát thải thấp được điều phối bởi Liên minh Đa dạng sinh học quốc tế và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới (CIAT), với sự tham gia của Trung Tâm cải tiến Ngô và Lúa Mì, Viện Nghiên cứu Chính sách Lương thực Quốc tế, Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Nhiệt đới, Viện Nghiên cứu Chăn nuôi quốc tế, Viện nghiên cứu Lúa gạo quốc tế, Viện quản lý nước quốc tế và Trung tâm Nghề cá Thế giới cùng với nhiều đối tác khác.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn trân trọng tới các đại biểu đã tham gia hội thảo ngày mùng 7 tháng 11 năm 2023 tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về Hệ thống lương thực phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long đã chia sẻ các ý kiến quý báu để chúng tôi hoàn thành báo cáo này.



# Tóm tắt tổng quan

Báo cáo này cung cấp bức tranh tổng thể về các bên có liên quan trong việc định hướng chính sách, thực tiễn triển khai các chính sách, chương trình liên quan đến hệ thống lương thực giảm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long – trung tâm sản xuất và cung ứng lương thực lớn nhất của Việt Nam. Báo cáo được thực hiện dựa trên việc rà soát khung pháp lý và chính sách, quyết định của Chính Phủ Việt Nam, tài liệu thứ cấp và dựa trên ý kiến chia sẻ của các chuyên gia trong hội thảo tham vấn quốc gia. Báo cáo cũng xác định cơ hội và thách thức để xây dựng, triển khai hệ thống lương thực phát thải thấp tại khu vực này.

Báo cáo của chúng tôi cho thấy Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có tiềm năng lớn trong việc thực hiện mục tiêu kép là đảm bảo an ninh lương thực và giảm phát thải. Ngoài việc các mặt hàng nông sản của Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng đã có thương hiệu trên thị trường quốc tế, Việt Nam cũng như 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đều đang xây dựng và hoàn thiện chính sách hướng dẫn về đảm bảo an ninh lương thực và giảm phát thải. Các chính sách đổi mới này đã nhìn nhận tầm quan trọng của việc phối hợp đa ngành và trên các quy mô khác nhau thay vì chỉ tập trung vào từng ngành sản xuất thực phẩm đơn lẻ trước đây. Hơn nữa, ngân sách và nguồn tài chính dành cho giảm thiểu thích ứng và biến đổi khí hậu dành cho ngành nông nghiệp và 13 tỉnh ĐBSCL đã gia tăng trong những năm gần đây, thể hiện sự quan tâm, cam kết của Chính phủ và các bên có liên quan trong việc chuyển đổi từ hình thức canh tác nông nghiệp truyền thống sang hệ thống thực phẩm phát thải thấp. Ngoài sự thay đổi từ các chính sách vĩ mô, thực tế triển khai cũng đã ghi nhận sự thay đổi trong tư duy sản xuất của người dân địa phương hướng tới các mô hình sản xuất quy mô lớn và bền vững cả về kinh tế, môi trường và xã hội. Trong thực tế, đã có nhiều nghiên cứu và mô hình trình bày về các giải pháp cho hệ thống thực phẩm phát thải thấp; điều này cũng cung cấp các bằng chứng khoa học và tiền đề để nhân rộng trong tương lai.

Để giúp Việt Nam và ĐBSCL phát triển hệ thống lương thực phát thải thấp, Chính phủ Việt Nam và chính quyền cấp tỉnh tại ĐBSCL đã đề ra các giải pháp như hoàn thiện cơ chế chính sách, tái cơ cấu sản xuất và các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, nâng cao năng lực và phát triển khoa học công nghệ. Tuy nhiên, hệ thống lương thực của ĐBSCL chịu áp lực của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thay đổi về dòng chảy và sụt lún bờ biển. ĐBSCL cũng gặp nhiều khó khăn khi nguồn tài chính dành cho xanh hóa sản phẩm nông nghiệp và giảm phát thải dù đã tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế trong khi giá thành của các sản phẩm nông sản còn dao động lớn trên thị trường quốc tế. Cùng với đó, các áp lực xã hội khi dân số, quá trình đô thị hóa gia tăng và năng lực của các bên có liên quan còn cần phải được cải thiện để có thể thực hiện hệ thống lương thực phát thải thấp một cách hiệu quả. Ngoài ra, việc thiếu hụt các hướng dẫn, số liệu và hệ thống theo dõi và giám sát về phát thải trong hệ thống lương thực thực phẩm cũng gây trở ngại lớn cho Việt Nam và các tỉnh ĐBSCL trong việc xây dựng và triển

khai các biện pháp hiệu quả để giảm phát thải trong sản xuất nông lâm ngư nghiệp và đảm bảo an ninh lương thực.

Đảm bảo an ninh lương thực và giảm phát thải khí nhà kính được Việt Nam nhìn nhận không chỉ là chính sách quốc gia mà còn là đóng góp của Việt Nam trong bình ổn an ninh lương thực và chính trị trên toàn cầu. Với tham vọng xây dựng ĐBSCL là trung tâm sản xuất lương thực của cả khu vực, việc gắn kết và thúc đẩy hợp tác giữa các tổ chức trong và ngoài nước, các cấp quản lý, các ngành, cả cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khối tư nhân và cộng đồng địa phương đóng vai trò thiết yếu. Mặc dù đã có những hướng dẫn và quy định phối hợp liên ngành nhưng việc triển khai còn hạn chế. Việc hài hòa hóa các chính sách khác nhau, thúc đẩy hợp tác liên ngành để giải quyết đúng và đủ các nhân tố và yếu tố cấu thành của một hệ thống lương thực toàn diện, đảm bảo an ninh lương thực bao gồm cả đủ số lượng và chất lượng, đảm bảo dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và tiếp cận công bằng giữa các nhóm xã hội bao gồm phụ nữ, trẻ em và nhóm yếu thế và dễ tổn thương cần được cải thiện hơn trong tương lai.





# 1 Mở đầu

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng cực Nam của Việt Nam với 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Theo Nghị quyết 81/2023/QH15 - định hướng phân vùng kinh tế - xã hội theo quy hoạch tổng thể quốc gia, đây là khu vực có vị thế chính trị, kinh tế và quân sự quan trọng của Việt Nam và là trung tâm sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển lớn nhất cả nước (Quốc hội Việt Nam 2023). Vùng ĐBSCL sở hữu 50% sản lượng lúa; 95% lượng gạo xuất khẩu; 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản; 60% lượng cá xuất khẩu; 70% các loại trái cây của Việt Nam (TTXVN 2022). Bốn thành phố trọng điểm kinh tế của vùng bao gồm Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau là trung tâm dẫn đầu Việt Nam về sản xuất lúa gạo, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản (VUSTA 2010, Trương 2022). Trong 7 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của khu vực đạt 29,13 tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2022. Một số ngành hàng được doanh nghiệp tận dụng cơ hội thị trường, tăng xuất khẩu như rau quả (3,2 tỷ USD, tăng 68,1%), gạo (2,58 tỷ USD, tăng 29,6%), cà phê (2,76 tỷ USD, tăng 6%), hạt điều (1,95 tỷ USD, tăng 9,8%) (Anh Phương 2023). Mặc dù ngành nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và an sinh xã hội của Việt Nam, đây là cũng là ngành gây phát thải lớn (Ngân hàng Thế giới 2022). Có 3 lĩnh vực phát thải lớn tại Việt Nam, đó là canh tác lúa, chăn nuôi gia súc, và sử dụng đất. Chăn nuôi gia súc và sử dụng đất góp phần tăng lượng phát thải khí nhà kính ít nhất 20%, trong khi canh tác lúa sử dụng khí mê-tan chỉ gây ra một nửa số đó (Nguyễn và Minh 2023). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, ngành chăn nuôi ở Việt Nam đóng góp 25,26% vào GDP của ngành nông nghiệp và là một trong những phân ngành nông nghiệp phát triển nhanh nhất, tuy nhiên ngành này cũng có nguồn phát thải hơn 15 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương hàng năm (Nguyễn 2023b).

Song song với phát triển kinh tế xã hội, ĐBSCL là khu vực đầu tiên trên Việt Nam có các tỉnh ký cam kết với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giảm phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp, xây lộ trình hành động hiện thực hóa những cam kết giảm phát thải được đề cập đến trong Cam kết tự nguyện quốc gia (Văn Khương 2022). Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu giảm phát thải và hoàn thành sứ mệnh đảm bảo an ninh lương thực cho toàn quốc, ĐBSCL đang gặp nhiều khó khăn như áp lực dân số và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng; yêu cầu của thị trường ngày càng trở nên khắt khe; biến động của giá thành sản phẩm ảnh hưởng đến đời sống của người dân; sự thiếu đồng bộ trong cơ chế chính sách và phối hợp liên ngành để giảm phát thải trong toàn bộ chuỗi cung ứng sản phẩm thay vì chỉ tập trung vào các ngành hàng nông nghiệp đơn lẻ như hiện nay. Ngoài ra, sự thiếu rõ ràng về định nghĩa của hệ thống lương thực cũng như việc cơ sở dữ liệu và các minh chứng khoa học về các giải pháp cho hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại Việt Nam và ĐBSCL còn hạn chế dẫn đến khó khăn cho các nhà hoạch định chính sách, và các bên có liên quan trong việc thực thi các chính sách và hoạt động hiệu quả.

Dựa trên rà soát và phân tích chính sách hiện có, phân tích tài liệu thứ cấp cũng như kết quả của các buổi hội thảo tham vấn quốc gia với các bên có liên quan<sup>1</sup>, báo cáo này xác định các cơ hội và thách thức cho việc giảm phát thải cho hệ thống sản xuất lương thực tại Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời đưa ra các kiến nghị để cải thiện hệ thống này trong tương lai. Báo cáo này

1 Ngày 7/11/2023, hội thảo quốc gia về Hệ thống thực phẩm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long - cơ hội, thách thức và tiềm năng đã được tổ chức tại Đại học Nông Lâm Thành Phố Chí Minh. Đã có hơn 92 đại biểu tới từ các cơ quan trung ương và 13 tỉnh ĐBSCL tới dự và chia sẻ kinh nghiệm và quan điểm về tiềm năng, thuận lợi và khó khăn cho ĐBSCL trong việc thực hiện hệ thống thực phẩm phát thải thấp. <https://www.cifor-icraf.org/event/low-emission-food-system-development-in-the-mekong-delta-opportunities-challenges-and-future-pathways/>

cũng rà soát lại các luận điểm và thảo luận liên quan đến các khái niệm tại Việt Nam đồng thời phân tích định hướng Việt Nam đang xây dựng và thực hiện để đạt mục tiêu kép an ninh lương thực và giảm phát thải khí nhà kính. Báo cáo này được chia làm 6 phần. Sau phần mở đầu, phần 2 của báo cáo trình bày định nghĩa về hệ thống lương thực thực phẩm hiện đang được áp dụng trên toàn thế giới. Phần 3 của báo cáo tập trung tìm hiểu cách tiếp cận và định nghĩa của Việt

Nam về hệ thống thực phẩm. Cơ hội và thuận lợi cho ĐBSCL thực hiện hệ thống lương thực thực phẩm phát thải sẽ được trình bày trong Phần 4, và thách thức để khu vực này giảm phát thải đối với hệ thống lương thực được phân tích trong Phần 5. Phần 6 của báo cáo thảo luận các kiến nghị đưa ra để ĐBSCL có thể thực hiện mục tiêu kép là giảm phát thải và phát triển nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực.

## 2 Hệ thống lương thực phát thải thấp

Trên thế giới có nhiều thảo luận về định nghĩa và khái niệm liên quan tới hệ thống lương thực thực phẩm nói chung và hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp nói riêng. Tuy nhiên, cho tới nay chưa có một khái niệm chung đồng nhất mà mỗi một quốc gia lại có cách định nghĩa riêng. Báo cáo này áp dụng định nghĩa về hệ thống thực phẩm do Hội đồng chuyên gia quốc tế cấp cao về An ninh lương thực và dinh dưỡng (HLPE) đưa ra vào năm 2014 cũng như góc nhìn từ dự án Hệ thống lương thực phát thải thấp (MITIGATE+-Low-Emission Food Systems - CGIAR<sup>2</sup>).

**Hệ thống lương thực thực phẩm.** Theo HLPE (2014), một hệ thống lương thực thực phẩm bao gồm “tất cả các yếu tố và nhân tố (môi trường, con người, đầu vào, chế biến, cơ sở hạ tầng, thể chế.. v.v) và các hoạt động có liên quan đến sản xuất, chế biến, phân phối, chuẩn bị, sử dụng, và mua bán lương thực thực phẩm, và đầu ra của các hoạt động này, bao gồm cả đầu ra về kinh tế-xã hội và môi trường” (HLPE 2014). (Hình 1).

Nói cách khác, để thiết kế và thực hiện các chính sách và biện pháp can thiệp liên quan đến cải thiện hệ thống lương thực thực phẩm một cách bền vững và phát thải thấp, cần cân nhắc 04 yếu tố sau:

- i. **Nguyên nhân và các tác nhân tác động tới hệ thống lương thực thực phẩm bao gồm:**
  - Các yếu tố liên quan đến nhân khẩu học (Ví dụ: tăng trưởng dân số, tốc độ đô thị hóa)
  - Các yếu tố về kinh tế xã hội (Ví dụ: nhu cầu và dự báo thị trường, cơ cấu lao động, thu nhập giữa các vùng miền)
  - Các yếu tố xã hội và văn hóa (Ví dụ: giá trị xã hội, quan điểm và sở thích của các

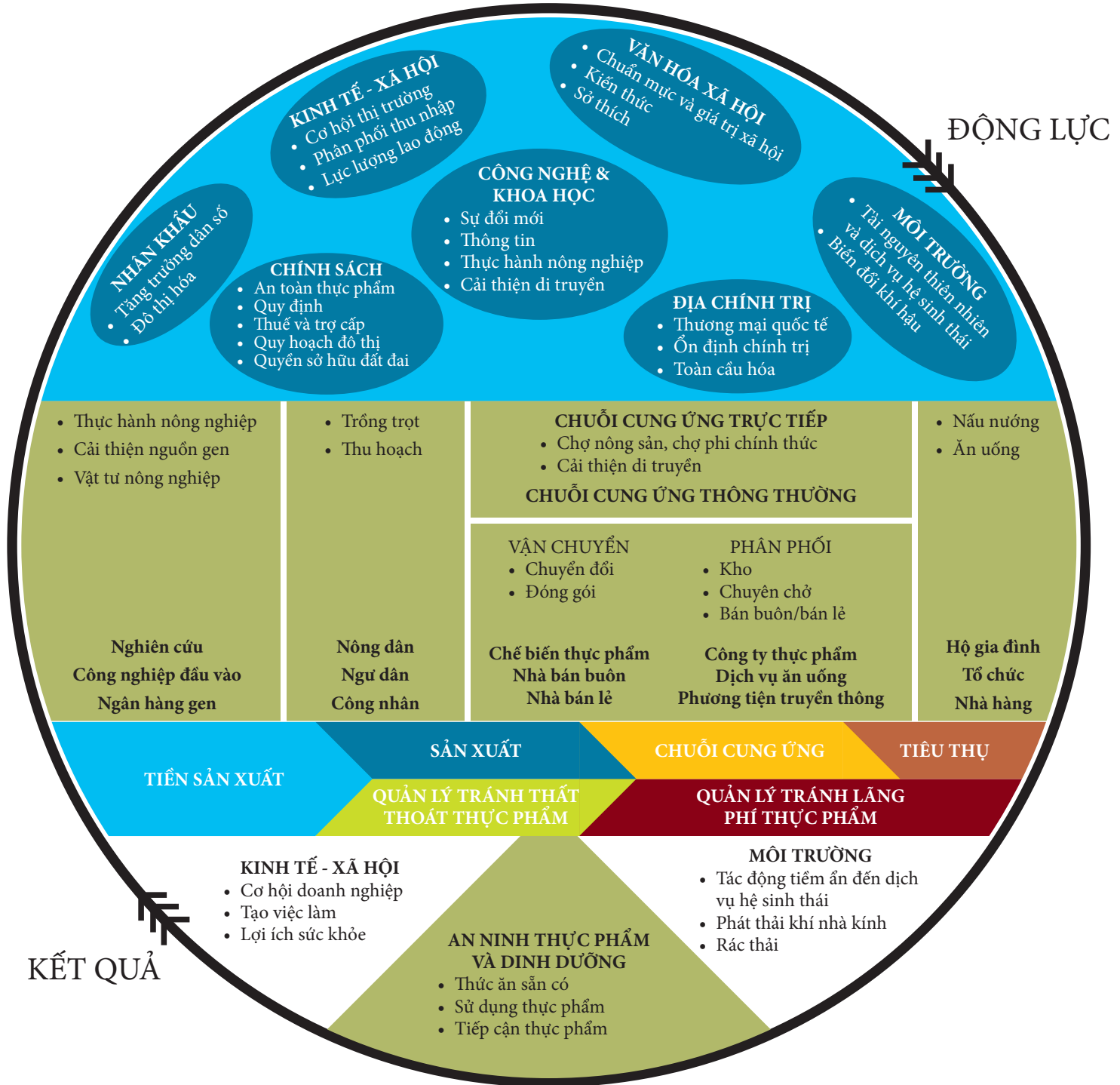
bên có liên quan, kiến thức và trình độ văn hóa, bình đẳng giới, sự tham gia của các bên có liên quan)

- Điều kiện tự nhiên và môi trường và tác động của biến đổi khí hậu
  - Quy định và hệ thống luật pháp về quản lý sử dụng đất, quy hoạch đô thị, chia sẻ lợi ích, an ninh lương thực, thuế phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng v.v.
  - Khoa học và công nghệ áp dụng trong ngành nông nghiệp để phát triển bền vững và giảm phát thải
  - Chính trị và giao thương trên toàn cầu
- ii. **Các hoạt động liên quan đến sản xuất, thu hoạch, lưu trữ, vận chuyển, thu mua, chế biến, đóng gói, phân phối, chuẩn bị, sử dụng (Ví dụ: nấu ăn, phương thức và khẩu phần ăn), và mua bán lương thực thực phẩm.** Ngay cả hoạt động và hành vi dẫn đến thất thoát và lãng phí thực phẩm cũng cần được xem xét
  - iii. **Các bên có liên quan đến hệ thống thực phẩm** bao gồm các hộ gia đình, các công ty, doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư và cung cấp tài chính, truyền thông và báo chí, các bên thu mua và trung gian, phụ nữ và nhóm dễ tổn thương, các tổ chức xã hội dân sự.
  - iv. **Mục tiêu và đầu ra kỳ vọng.** Một hệ thống lương thực thực phẩm bền vững là hệ thống thực phẩm mang lại an ninh lương thực và dinh dưỡng một cách bền vững trên cả 3 phương diện môi trường, kinh tế và xã hội mà không ảnh hưởng tới thế hệ tương lai (HLPE 2014). Một hệ thống lương thực phát thải thấp không có nghĩa là đặt mục tiêu giảm phát thải là mục tiêu ưu tiên, mà là một hệ thống đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội và môi trường theo phương thức có thể giảm phát thải nhiều nhất có thể.

<sup>2</sup> Sáng kiến CGIAR về Hệ thống Thực phẩm Phát thải Thấp, còn được gọi là Mitigate+, hợp tác với các bên có liên quan ở nhiều quốc gia để hỗ trợ họ với kiến thức, thông tin và công cụ cần thiết để họ có thể các quyết định và giải quyết các khó khăn trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách giảm phát thải hệ thống lương thực thực phẩm dựa vào bằng chứng khoa học.

# HỆ THỐNG THỰC PHẨM

## ĐỘNG LỰC - HOẠT ĐỘNG - NGƯỜI THAM GIA - KẾT QUẢ



Hình 1. Tổng quan về hệ thống lương thực  
 Nguồn: CIAT 2017

# 3 Quan điểm của Việt Nam về an ninh lương thực và hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp

Kết quả rà soát tài liệu thứ cấp cho thấy không có định nghĩa rõ ràng về hệ thống lương thực trong các văn bản quy phạm pháp luật do Việt Nam ban hành. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam đã và đang tập trung các chính sách của mình vào an ninh lương thực, giảm phát thải để phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường.

## 3.1 An ninh lương thực

Việt Nam nhìn nhận vấn đề an ninh lương thực (bao gồm lương thực thực phẩm) (Chính phủ 2021) trên nhiều khía cạnh và coi đây là bài toán cần để tiếp cận đa ngành, liên vùng ở cả cấp độ quốc tế, quốc gia, vùng và từng tỉnh (Hình 1).

Nghị quyết 34 NQ-CP (Chính phủ 2021) về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 cũng cụ thể hóa các định hướng chính sách và các giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu này (Hình 3 và Hình 4).

Có thể thấy mục tiêu chương trình an ninh lương thực quốc gia của Việt Nam tập trung vào phát triển các ngành mũi nhọn của nông nghiệp bao gồm lúa gạo, chăn nuôi và thủy sản, cây ăn quả và hoa màu với mục tiêu nâng cao thu nhập của người dân nông thôn và đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người dân, đặc biệt là trẻ nhỏ.

## 3.2 Giảm phát thải trong hệ thống lương thực thực phẩm

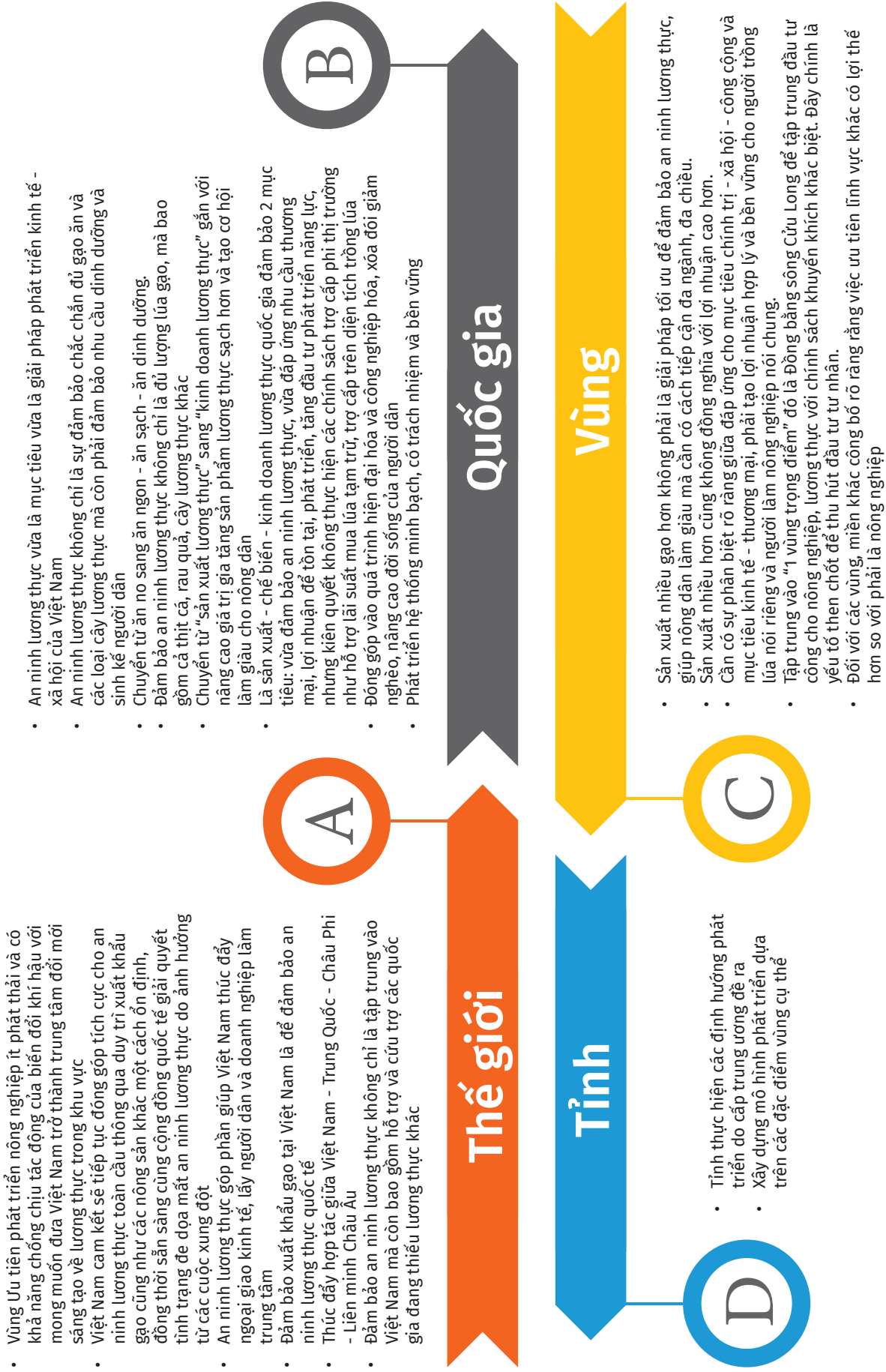
Kết quả rà soát tài liệu thứ cấp cho thấy giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp đang được Chính phủ Việt Nam quan tâm và đã có nhiều chính sách hướng dẫn các tỉnh thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Tuy không trực tiếp đề cập đến hệ thống lương thực phát thải thấp nhưng các chính sách và định hướng của Việt Nam đều cân nhắc đến 4 yếu tố cấu thành hệ thống lương thực thực phẩm:

### i. Nguyên nhân và các tác nhân tác động tới hệ thống lương thực thực phẩm bao gồm:

- Các chính sách hiện nay đều cân nhắc tới tốc độ phát triển dân số của Việt Nam và ĐBSCL đồng thời cân nhắc về nhu cầu phát triển thành thị. Giai đoạn 2009–2019, tốc độ tăng dân số của vùng chỉ đạt 0,1%, thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng dân số cả nước là 1,1%. ĐBSCL có tỉ lệ người di cư đi làm việc ở nơi khác cao hơn các vùng khác trong cả nước do điều kiện kinh tế và xã hội kém phát triển (Hồ 2022). Ngoài ra, nếu dân số trong độ tuổi lao động tăng thêm 1% thì tăng trưởng kinh tế tăng thêm khoảng 0,5%. Với mỗi lần tăng 1% dân số có việc làm trong nhóm tuổi từ 15–59 và nhóm từ 60 tuổi trở lên thì GDP sẽ tăng tương ứng là 0,36% và 0,32% (UNFPA 2017). ĐBSCL đang có lợi thế rất lớn với tỷ lệ dân số vàng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nhưng vẫn chưa tận dụng lợi thế này bởi vì tình trạng thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động vẫn chiếm 2,51%, trong đó thất nghiệp ở nhóm tuổi 15–24 chiếm 9,24% (GSO 2019). Trong khi đó, tỷ lệ dân số nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh hơn so với các nhóm tuổi khác trong 10 năm qua. Điều này cho thấy, già hóa đang diễn ra trong lực lượng lao động ở ĐBSCL. Hơn nữa, tỷ lệ phụ thuộc già và chỉ số già hóa dân số đã tăng nhanh từ năm 2009 đến năm 2019, điều này đã đặt ra một thách thức đối với ĐBSCL, đó là quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh và sớm (Phan và Lâm 2020).
- Các chính sách về hệ thống an ninh lương thực và giảm phát thải cũng dựa trên nguyên tắc giảm dần lao động trong ngành nông nghiệp để tăng lực lượng lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, thay đổi cơ cấu nghề





**Hình 2. Định nghĩa và mục tiêu của Việt Nam về an ninh lương thực trên các cấp độ quản lý khác nhau**

Người: Tác giả tổng hợp và tự vẽ; Lê 2020; TTXVN 2023a; Anh Phương 2023; Thanh Hằng 2023; Huyền Vy 2023.

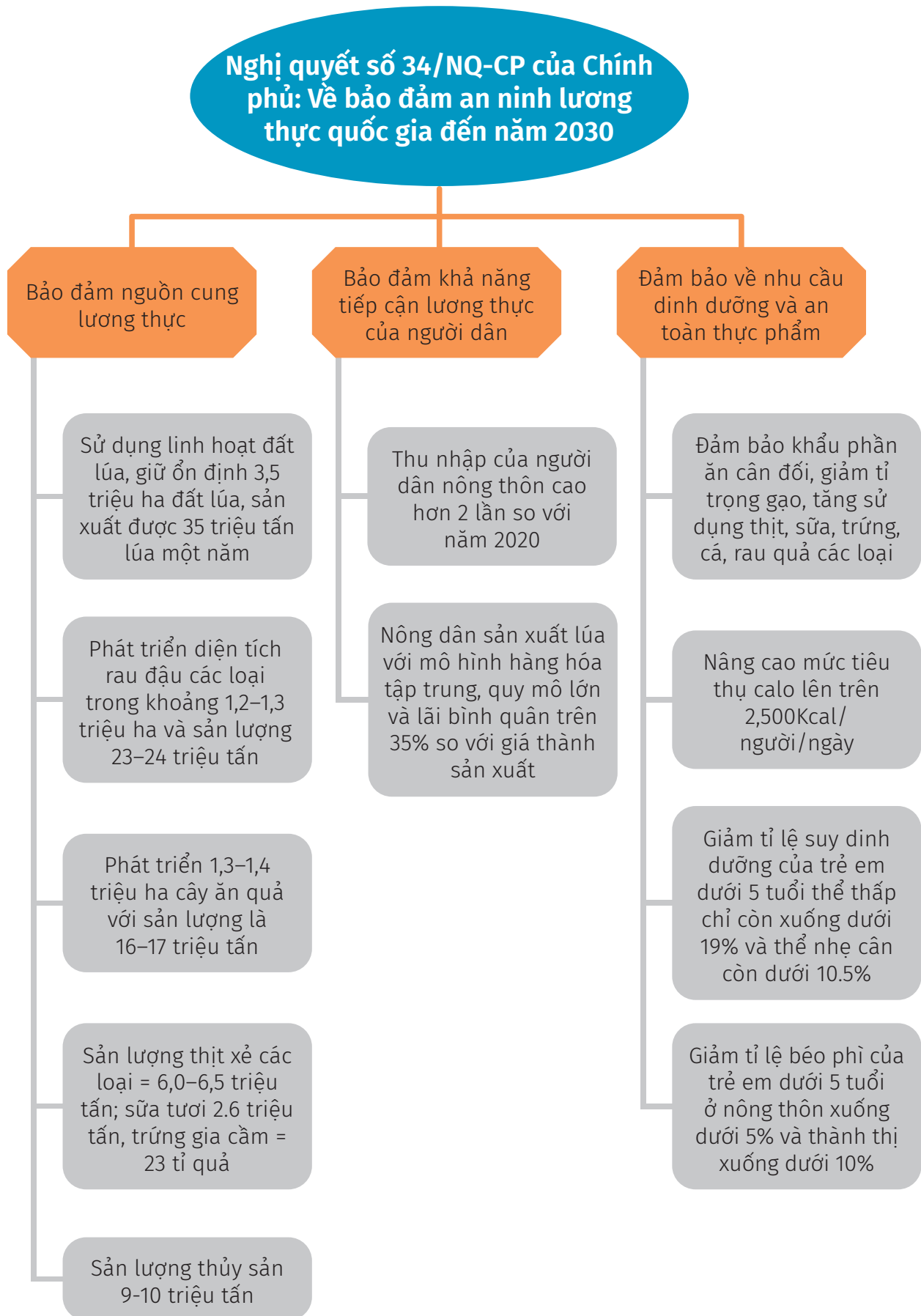


**Hình 3. Quan điểm của Việt Nam về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030**

nghiệp và lực lượng lao động ở Đồng bằng sông Cửu Long còn chậm so với cả nước. Cơ cấu lao động nông, lâm và thủy sản của toàn vùng vẫn chiếm đến 47,8%. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm so với cả nước, nếu năm 2010 cả nước có 49,5% lao động hoạt động trong nông - lâm - thủy sản thì đến năm 2016 chỉ còn 41,7% (giảm 7,8%); trong khi đó cơ cấu lao động hoạt động trong lĩnh vực này của vùng chỉ giảm 4,8% trong cùng kỳ (Phan 2019).

- Các yếu tố xã hội và văn hóa (Ví dụ: giá trị xã hội, quan điểm và sở thích của các bên có liên quan, kiến thức và trình độ văn hóa, bình đẳng giới, sự tham gia của các bên có liên quan). Trong giai đoạn 2009–2016, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo của ĐBSCL đã giảm từ 96,4% xuống còn 87,9% và tỉ lệ lao động của trình độ đại học trở lên tăng từ 0,4% năm 2009 lên 5,5% năm 2016 (Phan 2019). Sự tăng lên của đội ngũ lao động có trình độ đại học

trở lên là sự thay đổi tích cực đối với chất lượng nguồn nhân lực của vùng ĐBSCL, nhưng lại dẫn đến tình trạng thừa thầy thiếu thợ. Ngoài ra, phần lớn lao động của ĐBSCL vẫn chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, vì vậy hạn chế cơ hội việc làm và đảm bảo mức thu nhập ổn định của các hộ gia đình (Phan 2019). Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 và tầm nhìn 2045. Bốn mục tiêu của Chiến lược gắn kết chặt chẽ đối với chuỗi sản xuất lương thực thực phẩm. Mục tiêu thứ nhất là giảm phát thải khí nhà kính trên GDP và cân đối với quy mô phát triển của nền kinh tế, từ đó địa phương sẽ truyền tải chiến lược theo hành động tăng trưởng xanh của địa phương. Mục tiêu thứ hai là xanh hóa lối sống và sản xuất tiêu dùng bền vững, giúp thay đổi tư duy của cả người sản xuất và người tiêu dùng. Thứ ba, Bộ Kế hoạch và



Hình 4. Mục tiêu của chương trình an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030

Đầu tư vừa được chính phủ giao nhiệm vụ thực hiện chính sách phân loại xanh nhằm xác định đâu là dự án xanh. Điều này sẽ thúc đẩy ngân hàng quốc tế và ngân hàng thương mại cung cấp nguồn vốn xanh. Thứ tư, phát triển công nghiệp xanh với sản phẩm trọng tâm về thủy sản, trái cây, lúa gạo, kết hợp với cấu lại nền kinh tế cùng các sản phẩm đổi mới sáng tạo phát triển kinh tế xanh.

- Điều kiện tự nhiên, môi trường và tác động của biến đổi khí hậu
- Quy định và hệ thống luật pháp về quản lý sử dụng đất, quy hoạch đô thị, chia sẻ lợi ích, an ninh lương thực, thuế và bình đẳng giới, phát triển kinh tế, xã hội và quốc phòng v.v.
- Khoa học và công nghệ áp dụng trong ngành nông nghiệp để phát triển bền vững và giảm phát thải
- Chính trị và giao thương trên toàn cầu

**ii. Các hoạt động liên quan đến sản xuất, thu hoạch, lưu trữ, vận chuyển, thu mua, chế biến, đóng gói, phân phối, chuẩn bị, sử dụng (vd: nấu ăn, phương thức và khẩu phần ăn), và mua bán lương thực thực phẩm.** Theo các đại diện từ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn và Bộ Tài Nguyên và Môi trường tham dự hội thảo tham vấn, hiện nay còn thiếu thông tin và số liệu liên quan đến phát thải trong quá trình lưu trữ, vận

chuyển, thu mua, chế biến và sử dụng thực phẩm. Hoạt động và hành vi dẫn đến thất thoát và lãng phí thực phẩm cũng chưa được chú ý và theo dõi tại Việt Nam, do đó, đây là lĩnh vực cần nghiên cứu trong tương lai.

**iii. Các bên có liên quan đến hệ thống thực phẩm.** Trong các văn bản chính sách, Việt Nam nhấn mạnh hỗ trợ gắn kết giữa bốn nhà gồm nhà nông, nhà khoa học, doanh nhân và nhà nước. Ngoài ra, Việt Nam khuyến khích sự tham gia của các tổ chức tín dụng có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm và khả năng hỗ trợ tài chính, chuyên môn, quản trị điều hành để góp phần tăng cường hiệu quả, an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

**iv. Mục tiêu và đầu ra kỳ vọng.** Mục tiêu giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp và hệ thống lương thực gắn liền với mục tiêu chuyển đổi xanh, chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, phát thải thấp; gắn vấn đề hệ sinh thái - lương thực - năng lượng - nguồn nước với vấn đề biến đổi khí hậu mà Việt Nam đề ra trong các văn bản quy định pháp luật. Ngoài ra, quan điểm về phát triển của Việt Nam là dựa trên phát triển nông nghiệp như ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh. Hơn nữa, các văn bản quy định pháp luật cũng nhấn mạnh việc chuyển đổi tư duy chiến lược từ tuy duy địa phương sang tư duy phát triển toàn cầu.

## 4 Cơ hội cho việc phát triển hệ thống sản xuất lương thực phát thải thấp tại Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long

Là trung tâm sản xuất lương thực và đảm bảo an ninh lương thực của Việt Nam, ĐBSCL được coi là mô hình kiểu mẫu trong việc thực hiện tầm nhìn về hệ thống lương thực bền vững và giảm phát thải như đã trình bày ở phần 3. Kết quả rà soát tài liệu thứ cấp cũng như kết quả thảo luận tại hội thảo quốc gia cũng chỉ ra nhiều cơ hội cho ĐBSCL thực hiện hệ thống lương thực phát thải thấp.

### 4.1 Cam kết nguồn lực tài chính cho biến đổi khí hậu và giảm phát thải hệ thống lương thực thực phẩm của Chính phủ và các bên liên quan đã được đẩy mạnh

Ngân hàng Thế giới ước tính, ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam nói chung và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng cũng như việc giảm khí thải và tăng khả năng phục hồi kinh tế, cần ít nhất 114 triệu USD cho lần đầu tiên thực hiện và 254 triệu USD vào năm 2040 (Trần 2023).

Trong giai đoạn 2016–2020, ngân sách trung bình hàng năm được phân bổ cho 28 tỉnh thành bao gồm ĐBSCL nhằm đảm bảo an ninh lương thực và ứng phó với biến đổi khí hậu đã tăng 53% và chiếm tỉ trọng từ 16 đến 21% tổng ngân sách (VNS 2022). Ngoài ngân sách nhà nước, các nguồn vốn nước ngoài tập trung cho lĩnh vực giảm phát thải và an ninh lương thực cũng tạo điều kiện cho các chính sách áp dụng trong thực tế được triển khai nhanh chóng hơn. Ví dụ, Ngân hàng Thế giới hiện đang thực hiện dự án hỗ trợ khoảng 40 triệu USD cho Đề án 1 triệu ha lúa giảm phát thải, cùng với đó là Dự án trị giá 60 triệu USD để phát triển thị trường tín chỉ carbon sau năm 2027, và hỗ trợ 20 triệu USD không hoàn lại để hỗ trợ. Đề án “Phát triển 1 triệu hecta lúa chuyên canh chất lượng cao giảm phát thải gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long giảm phát thải”. Đề án cũng được nhà

nước chú trọng đầu tư và dự kiến sẽ có 12.000 tỷ đồng được đầu tư vào Đề án, trong đó, 3.000 tỷ từ vốn ngân sách nhà nước và 8.400 tỷ vốn xã hội hóa, còn lại là từ các nguồn vốn khác (Đỗ 2023). Các mô hình kết hợp lúa và thủy sản như tôm – lúa, cá – lúa,... nhằm giảm phát thải, nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương cũng nhận với tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 9500 tỷ đồng (Bộ NNPTNT 2023, Cao và Hoàng 2018). Với việc hình thành thị trường các bon tại Việt Nam và nhu cầu của thị trường các bon quốc tế, việc giảm phát thải từ các ngành nông lâm ngư sản để có thể bán tín chỉ và gia tăng thêm thu nhập đã tạo thêm các động lực tài chính cho các bên có liên quan tham gia.

Đối với ngành nông lâm nghiệp, Quyết định Phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 (Bộ NNPTNT 2023) cũng tập trung vào nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất nhằm đánh giá, lựa chọn các mô hình nông lâm kết hợp thành công tại các vùng sinh thái; hỗ trợ đầu tư nhân rộng các mô hình canh tác nông lâm kết hợp đã được lựa chọn; đào tạo, tập huấn cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng; hỗ trợ đầu tư và kỹ thuật sơ chế các sản phẩm nông lâm nghiệp, tiếp cận thị trường với kinh phí khoảng 704 tỷ đồng, trong đó 50% kinh phí được hỗ trợ quốc tế.

Tháng 10 năm 2023, Chính Phủ đã ký Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 8/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung 4.000 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long thực hiện dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Ngoài ra, để hỗ trợ ĐBSCL phát triển kinh tế dựa vào phát triển nông nghiệp, trong giai đoạn 2021–2025, tổng số vốn ngân sách Nhà nước dự

kiến hỗ trợ cho các dự án do địa phương quản lý dự kiến khoảng 320.000 tỷ đồng, tăng 23,3% so với giai đoạn 2016–2020. Ngoài ra, vốn ngân sách Nhà nước đầu tư qua một số bộ như Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế... để triển khai các công trình dự án trong vùng đạt khoảng 140.000 tỷ đồng (Thanh Liêm 2022). Tổng vốn ngân sách Nhà nước đầu tư dự kiến giai đoạn 2021–2025 của vùng khoảng 460.000 tỷ đồng (Thanh Liêm 2022).

Ngoài nguồn tài chính đến từ các cơ quan nhà nước, ĐBSCL cũng nhận được sự hỗ trợ của khối tư nhân trong và ngoài nước. Ví dụ, nhóm 6 ngân hàng phát triển (WB, ADB, AFD, KfW, JICA, KEXIM) đã cam kết tài trợ danh mục 20 dự án phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021–2025, với tổng mức khoảng 2,2 tỷ USD, gồm nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài (Minh Ngọc 2022).

#### 4.2 Nền tảng pháp lý về an ninh lương thực đang dần được hoàn thiện và có nhiều chính sách đột phá

Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách về an ninh lương thực và giảm phát thải (Bảo An

2022, Báo Nhân dân 2023, Duy Linh 2023) và từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển tổng thể của ĐBSCL. Các chính sách này tập trung từ việc giảm phát thải cho các mặt hàng nông nghiệp chủ đạo (Bảng 1) cho tới các chính sách vĩ mô và chính sách cụ thể cho ĐBSCL (Bảng 2).

Ngoài việc xây dựng các chính sách vĩ mô đồng bộ thì chính phủ Việt Nam cũng thực hiện các chính sách bình ổn giá nội địa. Ví dụ, để bình ổn giá gạo trong thị trường nội địa, Bộ Công Thương sẽ có chính sách hạn chế và quản lý lượng gạo xuất khẩu và Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn cũng sẽ có chính sách hạn chế số lượng hạt giống xuất khẩu (Hà và Hà 2023).

Song song với các chính sách vĩ mô và các giải pháp về chính sách, thể chế và tài chính (Hình 5 và Hình 6), Việt Nam cũng xây dựng các chính sách cụ thể cho ĐBSCL (Bảng 2).

Cùng song hành với các chính sách trung ương, các ngành chủ chốt và các tỉnh thành của ĐBSCL cũng xây dựng những chính sách phát triển riêng của mình (Bảng 3).

**Bảng 1. Chiến lược giảm phát thải của một số ngành hàng nông lâm thủy sản quan trọng của Việt Nam**

Ngành kinh tế	Chính sách, chương trình, dự án giảm phát thải
Lúa gạo	<p>Đề án phát triển 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao giảm phát thải gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long giảm phát thải.</p> <p>Mục tiêu đặt ra của Đề án là hình thành vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao với hệ thống sản xuất được tổ chức theo chuỗi giá trị, áp dụng các tiêu chuẩn bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả hệ thống sản xuất kinh doanh, thu nhập người trồng lúa, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, ổn định xã hội và nâng cao chất lượng, uy tín sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Lượng phát thải khí nhà kính giảm hơn 10%, lượng gạo xuất khẩu có thương hiệu Việt Nam chiếm hơn 30% tổng lượng gạo xuất khẩu của toàn vùng chuyên canh; lợi nhuận bình quân của nông dân trồng lúa ổn định và đạt hơn 40% tổng doanh thu... (Phùng 2023).</p>
Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dự án Chương trình khí sinh học cho ngành Chăn nuôi được Chính phủ Hà Lan và Tổ chức SVN hỗ trợ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện từ năm 2003 đến năm 2020</li> <li>Các chính sách hỗ trợ từ Chương trình dự án khí sinh học (KSH) cho ngành chăn nuôi Việt Nam, nguồn vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hà Lan và Quỹ Phát triển năng lượng Endev là nhà tài trợ bắt đầu từ 2003 đến 2014 với mức hỗ trợ 1,2 triệu đồng/công trình cũng đã giúp Việt Nam giảm phát thải trong chăn nuôi.</li> </ul>

Xem tiếp ở trang sau



**Bảng 1.** Tiếp trang trước

<b>Ngành kinh tế</b>	<b>Chính sách, chương trình, dự án giảm phát thải</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030:                      Phương án “E5 - Sử dụng khí sinh học thay than, gas cho đun nấu gia đình ở nông thôn”, mục tiêu đến năm 2030, sẽ có 5% trong tổng số hộ gia đình ở nông thôn sử dụng thiết bị đun nấu sử dụng khí sinh học từ chăn nuôi.                      Phương án “E39 - Phát triển điện khí sinh học”, sẽ có 30 MW điện khí sinh học được lắp đặt vào năm 2030 để thay thế cho các nhà máy nhiệt, sau đó tăng lên 150 MW vào năm 2050.                      Kế hoạch Hành động này đã được triển khai tại 53 tỉnh, đến nay đã có 181.683 công trình khí sinh học được xây dựng đã đem lại lợi ích cho 1 triệu người dân ở khu vực nông thôn. Thông qua Chương trình này, Việt Nam đã bán được 3.072.265 đơn vị tín chỉ các bon. Qua đó, đã đóng góp cho ngân sách 8,1 triệu USD (Hải Anh 2022).Việc áp dụng các công trình KSH góp phần giảm phát thải từ phân chuồng và thay thế phân tổng hợp bằng phân sinh học.                      5 đề án về giống, thức ăn dinh dưỡng, chế biến, thiết bị chăn nuôi và xử lý môi trường, khoa học công nghệ trong Chiến lược Phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 đã tạo môi trường rất thuận lợi cho các doanh nghiệp chăn nuôi phát triển. Cùng với đó, ngành chăn nuôi cần đẩy mạnh việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn dịch bệnh, chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao; tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tháo gỡ các hàng rào kỹ thuật và mở rộng thị trường ở các nước (Anh Quang và Ngọc Sơn 2023)                      Tổ chức lại ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp (gắn với chăn nuôi truyền thống và chăn nuôi hữu cơ), giảm dần nuôi nhỏ lẻ; đồng thời xây dựng hệ thống giết mổ, chế biến tập trung công nghiệp. Phát triển chăn nuôi chuỗi giá trị, liên kết những nông hộ vào tổ hợp tác hoặc HTX nhằm thuận lợi trong hỗ trợ vốn, đầu tư thức ăn, con giống, chăm sóc, tiêu thụ... Trong quá trình hợp tác cần phát huy vai trò doanh nghiệp, các hiệp hội... nhằm kiểm soát tốt dịch bệnh, cắt giảm các khâu trung gian, đảm bảo an toàn thực phẩm; đồng thời điều tiết tốt cung cầu thị trường...</li> <li>• Quyết định số 1693/KH-BNN-KHCN phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 (Bộ NNPTNT 2023) cũng chỉ rõ các định hướng và giảm phát thải đối với ngành chăn nuôi bao gồm:                      Cải thiện khẩu phần thức ăn cho chăn nuôi bò sữa, bò thịt, trâu, dê:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Sử dụng thức ăn thô xanh ủ chua trong khẩu phần nhằm giảm thiểu phát thải khí mê-tan</li> <li>○ Ứng dụng phần mềm phân tích phối trộn thức ăn</li> <li>○ Sử dụng các chế phẩm ức chế tổng hợp hoặc hấp thụ mê-tan (3NOP, than hoạt tính, Zeolite) và thức ăn thô có hàm lượng tanin cao trong khẩu phần ăn</li> <li>○ sử dụng các chế phẩm</li> </ul>                     Cải tiến công nghệ tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ: ứng dụng công nghệ vi sinh trong ủ phân, công nghệ tách phân và nước tiểu trong chăn nuôi lợn để nâng cao hiệu quả xử lý chất thải chăn nuôi và sản xuất phân bón hữu cơ.                 </li> </ul>
Thủy sản	<p><b>Đề án bảo vệ môi trường ngành thủy sản giai đoạn 2021–2030</b> (Thủ tướng Chính phủ 2022a) xác định, các mục tiêu xây dựng ngành thủy sản là xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>Trong đó, để giảm phát thải, ngành thủy sản nỗ lực xây dựng và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn. Đây là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Vậy <b>Mô hình kinh tế tuần hoàn sẽ khuyến khích áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chế biến, bảo quản và vận chuyển thủy sản, giảm tổn thất sau thu hoạch nhằm tận dụng, tiết kiệm nguyên liệu nguyên liệu đầu vào, khuyến khích nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế từ phụ phẩm nhằm giảm phát thải, tận dụng tài nguyên</b> (Phạm Hải 2023).</p>

**Bảng 1.** Tiếp trang trước

<b>Ngành kinh tế</b>	<b>Chính sách, chương trình, dự án giảm phát thải</b>
	<p>Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo trữ lượng và tính đa dạng sinh học trên vùng biển. Nếu gỡ thẻ vàng nhưng tính bền vững không được đảm bảo thì sẽ bị áp dụng thẻ vàng khác (BB 2023). Ngành tôm cần phải chuyển đổi sang mô hình sản xuất kinh tế tuần hoàn: Đầu vào “xanh” – Tái sử dụng tất cả các nguồn “thải” cho một quy trình sản xuất khác. Các nông hộ, trang trại nuôi tôm nên chuyển đổi theo hướng tuần hoàn khép kín, nuôi đa loài trong một ao, trang trại sản xuất kết hợp (tôm + khác), sử dụng các đầu vào “xanh” như: dùng điện mặt trời hoặc sử dụng năng lượng xanh, ngừng sử dụng phân bón hóa chất, nuôi thêm các loài hấp thu hữu cơ (chất lơ lửng), nuôi kèm các loài hấp thu vô cơ (N, P,...) (Chu Khôi 2023).</p> <p>Bên cạnh đó, Cục Thủy sản cũng có chức năng điều tra, thống kê, đánh giá, lập danh mục, giám sát các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính và sử dụng năng lượng của lĩnh vực thủy sản nhằm xác định các hoạt động giảm phát thải KNK trong lĩnh vực thủy sản giai đoạn sau 2030 (Bộ NNPTNT 2023).</p>
<p>Nông lâm nghiệp</p>	<p><b>Quyết định Phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050</b> (Bộ NNPTNT 2023)</p> <p>Nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất (F6) nhằm đánh giá, lựa chọn các mô hình nông lâm kết hợp thành công tại các vùng sinh thái; hỗ trợ đầu tư nhân rộng các mô hình canh tác nông lâm kết hợp lựa chọn; đào tạo, tập huấn cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng; hỗ trợ đầu tư và kỹ thuật sơ chế các sản phẩm nông lâm nghiệp, tiếp cận thị trường. Với kinh phí khoảng 704 tỷ đồng, trong đó 50% kinh phí được hỗ trợ quốc tế.</p> <p>Nhà nước có cơ chế hỗ trợ vốn ưu đãi cho các hộ tham gia bảo vệ và phát triển rừng để phát triển sản xuất theo phương thức nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây nông nghiệp trong thời gian chưa có thu nhập từ rừng;</p> <p>Bên cạnh đó, Nhà nước cũng định hướng về diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng sản xuất còn lại 0,62 triệu ha rừng tự nhiên nghèo kiệt được sử dụng để phục hồi rừng và sản xuất nông lâm kết hợp; Triển khai thực hiện dự án, nhiều mô hình vườn rừng, nông lâm kết hợp có hiệu quả cao và thực hiện nhiều phương pháp khuyến lâm, với thành quả là nhiều mô hình nông lâm kết hợp cho thu hoạch bình quân 8 - 10 triệu đồng/ha/năm (Bộ NNPTNT 2021)</p>
<p>Rau củ quả</p>	<p><b>Quyết định số 1693/KH-BNN-KHCN phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050</b> (Bộ NNPTNT 2023).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng cận nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương,...</li> <li>• Mở rộng việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác và quản lý cho cây trồng cận (bón phân, quản lý sâu, bệnh hại, tưới nước tiết kiệm v.v.</li> <li>• Thay thế phân đạm urê bằng phân bón chậm tan, phân bón tan có điều khiển, phân bón phức hợp chất lượng cao, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm phát KNK.</li> <li>• Thu gom, quản lý và tái sử dụng phụ phẩm cây trồng (A8): áp dụng trên diện rộng quy trình, công nghệ thu gom tập trung, xử lý, tái sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm phát thải KNK.</li> </ul>

**Bảng 2. Chính sách vĩ mô có ảnh hưởng lớn đến thực thi hệ thống sản xuất lương thực phát thải thấp ở vùng ĐBSCL**

Năm	Tên chính sách	Nội dung
2017	<b>Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu</b>	Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long; giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính xây dựng cơ chế, chính sách huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long
2021	<b>Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 1/4/2021</b>	Chính phủ đã đồng ý chủ trương vay vốn 2 tỷ USD từ các đối tác phát triển nước ngoài theo phương thức tài trợ dự án cho đầu tư phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long ứng phó với biến đổi khí hậu
2022	<b>Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long theo hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng bảo vệ, tôn tạo và phát triển nền tảng văn hóa - xã hội và hệ sinh thái tự nhiên; lấy “con người” làm trung tâm; coi tài nguyên nước là cốt lõi; quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên toàn lưu vực đảm bảo việc duy trì nguồn sống cho môi trường và người dân; chuyển đổi mô hình sinh kế tại các tiểu vùng theo hướng chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>• Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng gia tăng hiệu quả và giá trị, trong đó chú trọng phát huy có hiệu quả các nguồn lực về con người, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đô thị, phát triển công nghiệp và chuyển đổi số</li> <li>• Chuyển đổi mô hình phát triển từ phân tán, nhỏ lẻ sang tập trung; phát triển cụm ngành kinh tế nông nghiệp gắn kết với các khu vực đô thị hóa, công nghiệp hóa tạo ra sự phát triển đột phá.</li> <li>• Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; với thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; mở rộng giao thương với các nước trong khu vực ASEAN, đặc biệt là các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công.</li> <li>• Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; chú trọng việc đảm bảo an ninh lương thực, nguồn nước, biên giới, vùng biển và hải đảo.</li> </ul> <p>Các cải tiến và cải cách trong tiếp cận mà nếu ĐBSCL cập nhật và phát triển có thể phát triển tốt hơn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thúc đẩy nghiên cứu khoa học cho các lĩnh vực mới đi theo xu thế thời đại như kinh tế tuần hoàn, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, nâng cao áp dụng khoa học công nghệ để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm</b></li> <li>• <b>Phát triển toàn diện theo chuỗi sản phẩm theo ưu thế cạnh tranh của từng vùng</b></li> <li>• <b>Đổi mới trong quản lý đất đai để khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh và hiệu quả cao.</b> Mặc dù việc khuyến khích sản xuất quy mô lớn và tích tụ đất đai sẽ giảm chi phí sản xuất, nhưng cũng có ảnh hưởng lớn tới nhóm người dễ tổn thương. Nếu không có chính sách bảo đảm an toàn xã hội để hỗ trợ đối tượng này thì có thể dẫn tới các hậu quả tiêu cực.</li> <li>• <b>Tập trung theo cách tiếp cận vùng trên mô hình Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL và tăng cường hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mê Công.</b> Giải quyết các vấn đề xuyên biên giới qua các liên minh và Hội đồng điều phối không những giúp Việt Nam nâng cao vị thế trong khu vực mà còn giải quyết các vấn đề vĩ mô về thể chế, chính sách. <b>Xã hội hóa ngành nông, lâm ngư nghiệp với cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và các tổ chức, cộng đồng, người dân tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, phát triển các cụm ngành kinh tế nông nghiệp của vùng.</b></li> <li>• <b>Huy động nguồn tài chính bền vững từ các tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp cũng như xây dựng thị trường chi trả dịch vụ môi trường và hệ sinh thái để có nguồn đầu tư phục hồi hệ sinh thái.</b></li> <li>• Chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp</li> </ul>

**Bảng 2.** Tiếp trang trước

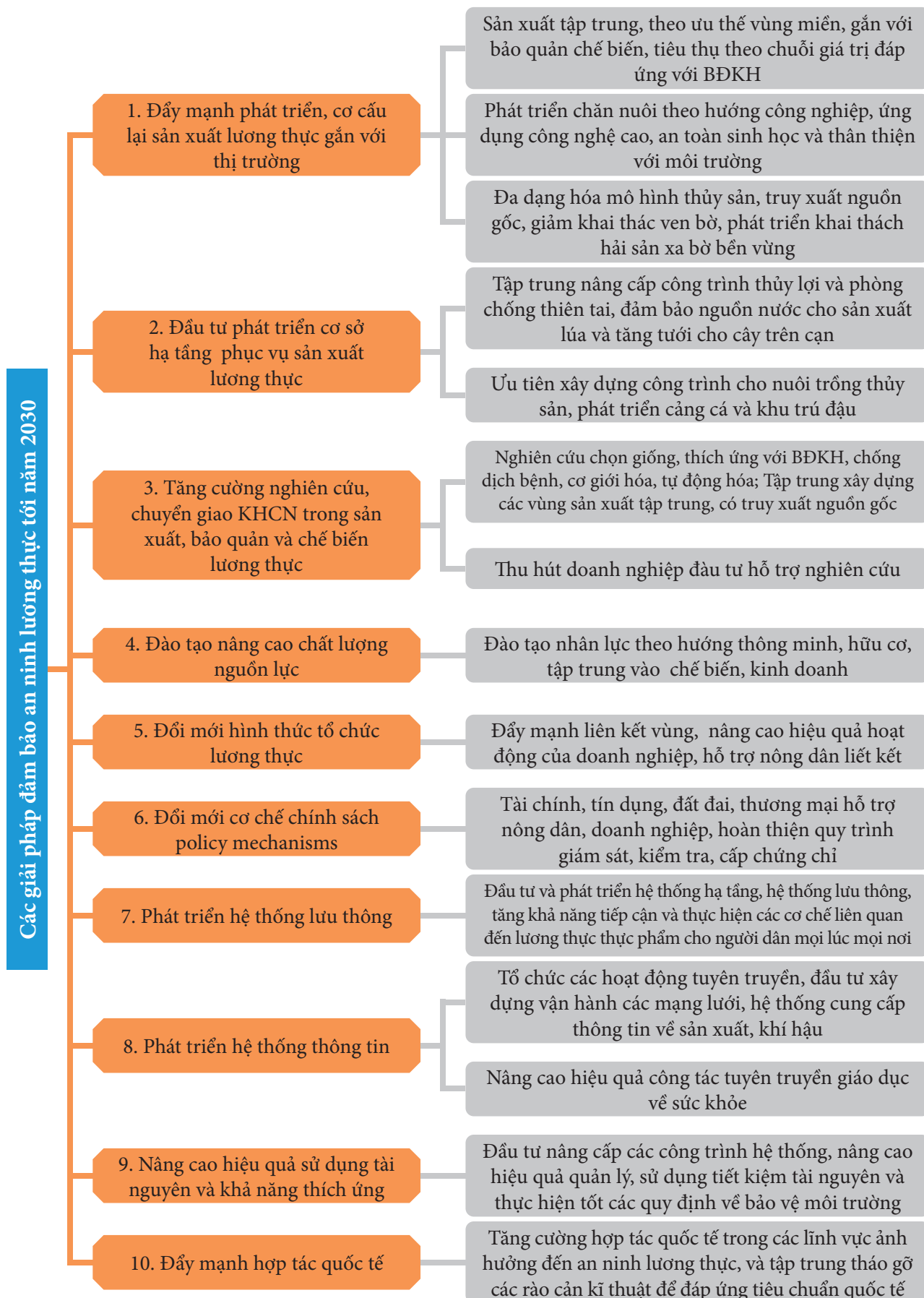
Năm	Tên chính sách	Nội dung
2023	<p><b>Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XIII đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng. Xây dựng quy hoạch phát triển của từng địa phương trong vùng trên cơ sở Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững.</li> <li>• Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao chất lượng đô thị; phát triển chuỗi đô thị động lực của vùng hiện đại, thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực.</li> <li>• Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị gồm: Trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang; trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển; trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu.</li> <li>• Đầu tư xây dựng mới và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái; các công trình thủy lợi tích hợp, hạ tầng cơ bản tại các vùng cần di dân; thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.</li> <li>• Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, đột phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh, thúc đẩy liên kết và hội nhập hành lang kinh tế đô thị</li> <li>• Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn dựa trên hệ sinh thái, phù hợp với quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long.</li> <li>• Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ rừng và bờ biển; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ thông tin.</li> <li>• Phát triển nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thủy sản, trái cây và lúa gạo gắn với các cụm ngành nông, lâm, thủy sản, các trung tâm đầu mối; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới.</li> <li>• Phát triển mạnh kinh tế biển, trong đó chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và năng lượng tái tạo, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, tái tạo nguồn lợi thủy sản và bảo vệ nguồn đa dạng sinh học biển, trong đó phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.</li> </ul>

Xem tiếp ở trang sau

**Bảng 2.** Tiếp trang trước

Năm	Tên chính sách	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai và tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng và bảo vệ chức năng nguồn nước; kiểm soát và hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và thí điểm công trình điều tiết dòng chảy; ban hành chính sách, cơ chế tài chính đặc thù ngành nước của vùng; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước sông Mê Công. Chủ động kiểm soát lũ, phòng, chống sạt lở bờ sông; đầu tư hệ thống thủy lợi kiểm soát nguồn nước; tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ; thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - Khu dự trữ sinh quyển Cần Giỏi; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc.</li> <li>• Phát triển khoa học - công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn. Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; phát triển Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng tại thành phố Cần Thơ; Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia.</li> <li>• Hoàn thiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách cho vùng; ưu tiên nguồn lực và phân kỳ phù hợp để đầu tư các công trình trọng điểm. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, vốn tư nhân thông qua các hình thức đối tác công - tư (PPP).</li> </ul>
2023	<b>Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ</b>	Thủ tướng Phạm Minh Chính đã ký Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2021	<b>Quyết định số 854/QĐ - TTg phê duyệt Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các hợp tác xã nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2021- 2025.</b>	<p>Mục tiêu chung của đề án:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nâng cao năng lực chủ động áp dụng các biện pháp thích ứng, hạn chế tác động tiêu cực, tận dụng các cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại để hợp tác phát triển kinh tế bền vững.</li> <li>• Đến năm 2025: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 100% hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long sẽ được tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất, kinh doanh, chế biến, bảo quản nông, lâm, ngư nghiệp và muối;</li> <li>○ Mỗi tỉnh có 3 - 5 mô hình hợp tác xã nông nghiệp áp dụng các biện pháp thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, kết hợp các mô hình kinh tế tuần hoàn để nghiên cứu, học tập và nhân rộng;</li> <li>○ 100% hợp tác xã nông nghiệp trên lưu vực hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bè áp dụng các biện pháp thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu;</li> <li>○ Bình quân các hợp tác xã trên lưu vực tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp từ 10% trở lên;</li> <li>○ Hình thành các diễn đàn kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp, chia sẻ thông tin về biến đổi khí hậu, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, kinh nghiệm tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long</li> </ul> </li> </ul>

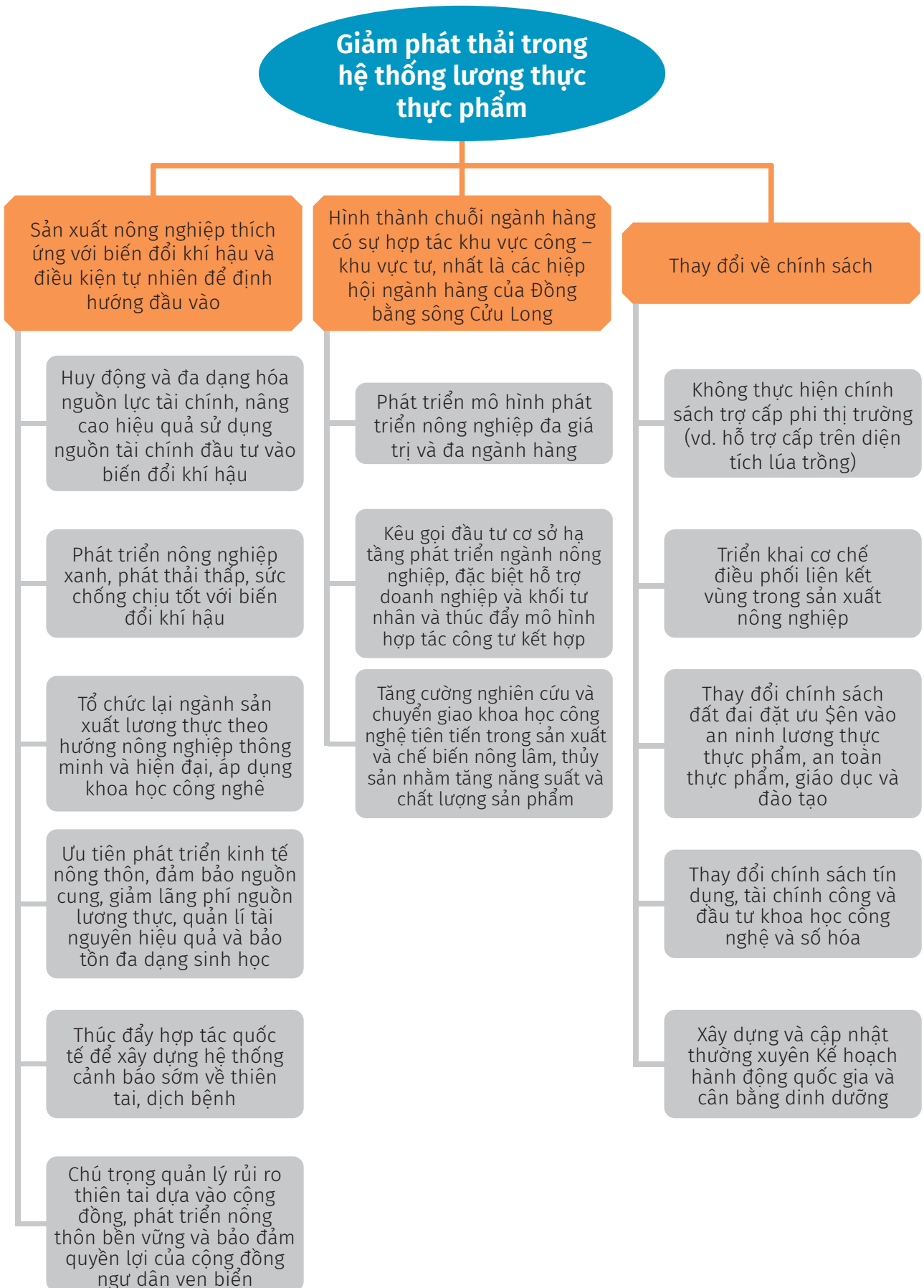




**Hình 5. Các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực đến năm 2023**

Nguồn: Chính phủ 2021





**Hình 6. Giải pháp cho hệ thống lương thực phát thải thấp tại Việt Nam**

Nguồn: tác giả tự tổng hợp từ kết quả rà soát tài liệu thứ cấp; Lê 2020; VNA 2021a; Xuân Tuyến 2017

**Bảng 3. Các chính sách của tỉnh các ĐBSCL trong phát triển kinh tế xã hội, môi trường và an ninh lương thực**

Tỉnh	Tầm nhìn chiến lược
Cà Mau	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyển giao khoa học - kỹ thuật để cải thiện hơn về năng suất lúa, tỉnh đang tiến hành chuyển đổi giống tại những nơi có điều kiện phù hợp nhằm nâng cao chất lượng gạo, tập trung sản xuất theo quy trình lúa sinh thái, lúa hữu cơ gắn với các tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao chuỗi giá trị trên cùng diện tích.</li> <li>• Để có thêm nguồn lương thực bổ sung phục vụ xuất khẩu, hai năm gần đây, Cà Mau rà soát những nơi có điều kiện phù hợp để mở rộng thêm vùng chuyên canh sản xuất lúa-tôm. Nhờ đó vùng lúa - tôm đã tăng từ khoảng 35.000 ha lên khoảng 37.000 ha như hiện nay. Tại các vùng không còn khả năng tăng về diện tích, Cà Mau chủ trương tăng cường chuyển giao khoa học, kỹ thuật giúp nhà nông nâng cao năng suất thêm khoảng 0,3 tấn/ha/vụ, nếu thành công thì hằng năm sẽ có thêm sản lượng lúa khoảng 20.000 tấn.</li> <li>• Để sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, Cà Mau đã triển khai mô hình sản xuất tôm - lúa vào tháng 10 năm 2009. Nhờ ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, mô hình đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng lúa và nuôi trồng thủy sản. Đây là một trong những mô hình sinh kế khá bền vững cho những vùng chuyên canh lúa trước đây bị nhiễm mặn (Tuyết Minh 2021).</li> <li>• Xuất phát từ việc rà soát diện tích đất bị nhiễm mặn, sản xuất 2 vụ lúa kém hiệu quả Cà Mau đã chuyển sang sản xuất 1 vụ tôm, 1 vụ lúa. Đồng thời, tỉnh cũng tập trung đầu tư hạ tầng thủy lợi tạo điều kiện để mô hình sản xuất lúa - tôm được triển khai và nhân rộng ở những nơi có điều kiện. Đặc biệt, tỉnh đã xây dựng thành công những cánh đồng lớn luân canh lúa - tôm từ năm 2012 đến nay. Việc triển khai mô hình này đã từng bước làm chuyển biến nhận thức trong phát triển sản xuất của người dân, đã thay dần các tập quán sản xuất cá thể, nhỏ lẻ, hình thành liên kết cộng đồng, sản xuất có trách nhiệm, tạo được môi trường ổn định, thuận lợi cho sự phát triển của tôm và cây lúa, tiến tới việc sản xuất bền vững thân thiện với môi trường. Để chuẩn bị thực hiện mô hình này, Cà Mau đã triển khai đồng bộ các hoạt động tăng cường năng lực, cơ sở, vật chất kỹ thuật để phục vụ sản xuất (Tuyết Minh 2021).</li> <li>• Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện mô hình tôm - lúa trên diện tích gần 40.000 ha (tập trung chủ yếu ở các huyện: Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước và thành phố Cà Mau). Qua triển khai thực hiện mô hình đã thu được những kết quả nhất định: Ý thức, tập quán sản xuất của nông dân thay đổi tích cực; năng lực quản lý của các cơ quan chuyên ngành, chính quyền các cấp được nâng lên. Năng suất lúa bình quân từ 3,65 tấn/ha tăng lên 4,33 tấn/ha, tăng 19%. Năng suất tôm bình quân từ 356 kg/ha tăng lên 531 kg/ha, tăng 48,91%. Có thể nói, mô hình tôm lúa được xem là bền vững đối với vùng bị xâm nhập mặn ở tỉnh Cà Mau (Tuyết Minh 2021).</li> <li>• Ngoài mô hình tôm - lúa, Cà Mau còn thực hiện một số mô hình khác trong sản xuất lúa như: mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), mô hình cánh đồng lớn, mô hình hợp tác liên kết sản xuất lúa theo chuỗi giá trị, ...</li> <li>• Để đảm bảo ANLT, Cà Mau thực hiện Quy hoạch đất lúa: Ổn định diện tích sản xuất lúa chuyên canh ở vùng quy hoạch ngọt hoá đến năm năm 2020 khoảng 51.000 ha; hình thành 2 khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, mỗi khu có diện tích khoảng 200 đến 500 ha. Cùng với các biện pháp thủy lợi, thâm canh để tăng vụ, tăng năng suất; những vùng này phát triển lúa 2 vụ hoặc 1 vụ lúa luân canh 1 vụ màu; một số vùng có địa hình trũng phát triển mô hình lúa - cá đồng. Đối với những vùng đang nuôi tôm, nhất là vùng phía Bắc Cà Mau, khuyến khích tiếp tục sản xuất luân canh 1 vụ lúa trên đất nuôi tôm ở những nơi có điều kiện (giai đoạn 2010 đến 2015 khoảng 43.000 - 45.000 ha, giai đoạn 2016 - 2020 duy trì ổn định khoảng 45.000 ha).</li> <li>• Tỉnh cũng đã xây dựng chính sách đảm bảo an ninh lương thực phù hợp với bối cảnh mới và tận dụng cơ hội từ quá trình toàn cầu hóa thực hiện một số chính sách đặc thù, mang tính đột phá để hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và người nông dân sản xuất.</li> </ul>

Xem tiếp ở trang sau

**Bảng 3.** Tiếp trang trước

Tỉnh	Tầm nhìn chiến lược
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tăng cường liên kết giữa các chủ thể trong việc đảm bảo an ninh lương thực, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết giữa nông dân, HTX và doanh nghiệp từ khâu xuống giống đến thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong đó doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng từ đó góp phần tăng lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp.</li> <li>• Giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình đảm bảo ANLT một cách phù hợp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để giảm chi phí, giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng. Tiếp nhận và thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất gắn với triển khai thực hiện nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, được xem là chìa khóa để chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ.</li> <li>• Cơ cấu lại ngành nông nghiệp xuất phát từ lợi ích thiết thực cho người nông dân, nâng cao giá trị gia tăng trên từng đơn vị sản phẩm nông nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái, hướng đến nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, an toàn và phát triển bền vững.</li> <li>• Để đảm bảo ANLT trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, tỉnh Cà Mau dự kiến sẽ triển khai một số giải pháp sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Có chính sách duy trì và sử dụng có hiệu quả quỹ đất dành cho trồng lúa.</li> <li>○ Thúc đẩy sản xuất và nâng cao năng suất trong sản xuất nông nghiệp gắn với tăng cường chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp.</li> <li>○ Tăng cường năng lực dự trữ lương thực và cải thiện hiệu quả chuỗi cung ứng nông nghiệp.</li> <li>○ Đẩy mạnh thực hiện “cuộc cách mạng xanh” trong nông nghiệp.</li> <li>○ Chủ động đề phòng, khắc phục những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và dịch bệnh; áp lực tăng dân số và đô thị hóa.</li> <li>○ Phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn và giảm các trở ngại đối với đầu tư trong nông nghiệp.</li> <li>○ Xây dựng hệ thống thông tin an ninh lương thực.</li> <li>○ Nâng cao khả năng tiếp cận lương thực cho mọi người dân, phát triển nguồn lực phục vụ mục tiêu ANLT.</li> <li>○ Tăng cường hợp tác quốc tế về ANLT và tiếp tục hội nhập hơn vào thị trường nông sản thực phẩm quốc tế.</li> <li>○ Nâng cao nhận thức của người dân nói chung và nông dân nói riêng về an ninh lương thực.</li> </ul> </li> </ul>
Bạc Liêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, tích hợp nội dung các quy hoạch ngành, lĩnh vực vào nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ổn định diện tích đất chuyên trồng lúa nước 58.600 ha ở tiểu vùng giữ ngọt ổn định phía Bắc Quốc lộ 1A.</li> <li>• Mở rộng sản xuất lúa trên đất tôm - lúa với diện tích 45.000–60.000 ha ở tiểu vùng chuyển đổi sản xuất phía Bắc Quốc lộ 1A. Đồng thời đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống công trình thủy lợi phân ranh mặn, ngọt; nạo vét hệ thống kênh mương bị bồi lắng; Phát triển hệ thống trạm bơm nước trong các ô đê bao khép kín, từng bước thực hiện kiên cố hóa kênh mương; Phát triển vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, lúa đặc sản, lúa chịu mặn mang thương hiệu Bạc Liêu. Đưa giống lúa ST 24, ST 25 vào sản xuất trên đất lúa - tôm và vụ lúa hè thu năm 2020.</li> <li>• Ngoài ra, tỉnh sẽ tập trung xây dựng cánh đồng lớn, phấn đấu nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, phát triển bền vững; xây dựng mối liên kết tiêu thụ giữa doanh nghiệp và nông dân; chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm lúa, gạo chất lượng cao mang thương hiệu Bạc Liêu; xây dựng vùng sản xuất lúa giống chất lượng cao, sạch đáp ứng nhu cầu lúa giống phục vụ sản xuất.</li> <li>• Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững, thực hiện tốt các quy định về môi trường trong sử dụng vật tư và xử lý chất thải nông nghiệp; áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm và sử dụng các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chịu hạn và chịu mặn.</li> <li>• Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp... Tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân tiếp cận các chính sách tín dụng để đầu tư phát triển nông nghiệp và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.</li> </ul>

**Bảng 3.** Tiếp trang trước

Tỉnh	Tầm nhìn chiến lược
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để đầu tư phát triển, nhất là xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất.</li> <li>• Xúc tiến đầu tư xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao và các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ với chế biến, tiêu thụ và du lịch sinh thái.</li> <li>• Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ mới vào sản xuất, phù hợp với lợi thế của từng tiểu vùng. Tăng cường mối quan hệ với các viện, trường đại học trong và ngoài nước về hợp tác nghiên cứu khoa học - công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để tiếp thu các công nghệ mới và áp dụng vào thực tế sản xuất ở địa phương.</li> <li>• Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia nghiên cứu, chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ trong nông nghiệp.</li> <li>• Đẩy mạnh phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hộ gia đình, cá thể trong công tác phát triển kinh tế hộ, cá thể. Liên kết với một số doanh nghiệp, các hợp tác xã để liên kết trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các nông hộ. Đầu tư xây dựng mạng lưới cảnh báo, dự báo thiên tai, khí tượng thủy văn, theo dõi chặt chẽ quá trình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, dịch bệnh trên cây trồng... Từ đó, xây dựng các phương án tổ chức ứng phó kịp thời.</li> </ul>
Sóc Trăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phát triển sản xuất lúa đặc sản tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2022-2025 góp phần tạo thành những vùng sản xuất tập trung, áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa học-kỹ thuật cho năng suất, chất lượng cao, đồng đều, giá thành sản xuất thấp.</li> <li>• Áp dụng cơ giới hóa khâu thu hoạch và tạo được vùng nguyên liệu lớn, thúc đẩy sự gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng. Ngoài ra còn giải quyết được những khó khăn về công tác giống, duy trì chất lượng giống không bị thoái hóa, bảo đảm chất lượng gạo.</li> </ul>
Đồng Tháp	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Để có nguồn hàng chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, tỉnh đã triển khai các giải pháp phát triển ngành hàng lúa gạo trở thành ngành hàng xuất khẩu chủ lực theo hướng bền vững, tập trung vào các nội dung: khuyến khích nông dân nâng cao chất lượng gạo, tăng diện tích sử dụng giống lúa cấp xác nhận, giống chất lượng cao, lúa thơm đặc sản; quản lý chặt vùng sản xuất phục vụ xuất khẩu; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại.</li> <li>• Khuyến cáo nông dân tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nâng cao chất lượng giống bằng cách áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất lúa tiên tiến, bền vững (IPM, 3G3T, 1P5G, SRP...), quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất lúa hữu cơ... kết hợp truy xuất nguồn gốc, thu hoạch đúng thời điểm...</li> <li>• <b>Vận hành Liên minh sáng kiến giảm phát thải.</b> UBND tỉnh Đồng Tháp; các Hiệp hội ngành hàng trọng điểm cũng vừa cam kết tăng cường hợp tác công - tư, phối hợp nguồn lực, đẩy mạnh các nỗ lực, nhất là đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo để xây dựng Đồng Tháp thành “Trung tâm giải pháp giảm phát thải của khu vực từ năm 2023”. Theo đó, các bên cam kết phối hợp đẩy mạnh các hoạt động nâng cao nhận thức cho cơ quan quản lý Nhà nước, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể, khởi động thí điểm ít nhất một mô hình giải pháp sáng tạo về “giảm phát thải/tạo phát thải thấp” trên một lĩnh vực nông nghiệp trọng điểm của tỉnh (trái cây, lúa gạo, thủy sản) và đánh giá thí điểm vào năm 2024 để có căn cứ nhân rộng các mô hình. Giai đoạn 2023-2025, xây dựng và vận hành <b>khuyến khích hình thành các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo gắn với các nhiệm vụ, mục tiêu, xu hướng giải pháp liên quan tới “nông nghiệp phát thải thấp”</b>. Liên minh sáng kiến giảm phát thải tỉnh Đồng Tháp nhằm thúc đẩy hiệu quả nỗ lực của tất cả bên liên quan; góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo gắn với chủ đề, mục tiêu giảm phát thải nông nghiệp cho tỉnh, cho khu vực.</li> </ul>

Nguồn: Tuyết Minh 2021, Minh Đạt 2020, Tuyết Nghĩa và Tùng Duy Phong 2023, Khánh Anh 2022

### 4.3 Ưu thế về thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường của các mặt hàng nông sản ĐBSCL trên thị trường quốc tế

Các mặt hàng nông lâm sản của ĐBSCL đã chiếm lĩnh nhiều thị trường quốc tế.

**Gạo.** Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới, chỉ sau Ấn Độ. Phần lớn gạo xuất khẩu của Việt Nam tới từ ĐBSCL. Gạo Việt Nam có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh nên được nhiều thị trường trên thế giới ưa chuộng, đặc biệt là các thị trường châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... (Song Hà 2022). Nhu cầu của thị trường về sản phẩm gạo của Việt Nam tăng mạnh sau khi Ấn Độ, UAE và Nga đã cấm xuất khẩu thực phẩm để đảm bảo an ninh lương thực cho quốc gia của họ. Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Thổ Nhĩ Kỳ và Chi lê đã cạnh tranh để mua 40% tăng thêm của gạo từ Việt Nam và sẵn sàng trả giá cao hơn từ \$20–40/tấn so với giá trước khi lệnh cấm tại các nước được ra (Hà và Hà 2023). Trong tháng 8 năm 2023, giá xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng 22% so với tháng trước, đạt bình quân 654 USD/tấn (USDA 2023). Khối lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng tăng 40%, đạt 921 triệu tấn sau khi Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Nga áp đặt lệnh cấm xuất khẩu gạo. Tính tới thời điểm tháng 8 năm 2023, Việt Nam đã vượt Thái Lan trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, với tổng khối lượng 5,9 triệu tấn và thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Philippines, Indonesia, Ghana, Trung Quốc và Malaysia (USDA 2023).

Diện tích Đồng bằng sông Cửu Long chiếm khoảng 70% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của Việt Nam. Đây là vùng có sản lượng và giá trị thủy sản lớn nhất cả nước, đóng góp khoảng 65% (VASEP 2023). **Các mặt hàng thủy sản xuất khẩu** chủ lực của ĐBSCL xuất khẩu ra thị trường Châu Âu và Mỹ bao gồm: tôm và cá tra (Ánh Dương 2020a). Hai loài thủy sản chủ lực trong khu vực là cá tra - đóng góp khoảng 98% và tôm - đóng góp khoảng 63% tổng sản lượng cả nước (VASEP 2023). Trong năm 2021, xuất khẩu thủy sản của 13 tỉnh ĐBSCL đạt xấp xỉ 2 tỷ USD, chiếm 60%, 6 tỉnh Đông Nam Bộ chiếm 18% với 602 triệu USD, còn lại là các tỉnh miền Trung và miền Bắc (VFM 2021). Hiệp hội cá tra cho biết, giá thành và nhu cầu cá tra với phần lớn từ ĐBSCL tăng ở hầu hết các thị trường, từ

40–200% trong đó thị trường lớn nhất của cá tra Việt Nam là Trung Quốc và Mỹ, lần lượt chiếm 30% và 23% vào năm 2023 (VFM 2022).

**Rau quả là mặt hàng nông sản xuất khẩu** có tốc độ tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây tại ĐBSCL. Tại ĐBSCL, diện tích cây ăn trái không ngừng tăng từ 287.000 ha năm 2010 lên đến 377.000 ha vào năm 2020 (SGGP, 2021). Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu rau quả cả nước đạt 3,36 tỷ USD, với các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, Thái Lan, Hàn Quốc... Năm 2021, xuất khẩu rau quả cả nước kim ngạch đạt 944 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020 trong đó có sự đóng góp rất lớn từ ngành trái cây ở ĐBSCL. Nhiều loại trái cây đặc sản của ĐBSCL tăng sản lượng trong năm 2021 bao gồm: bưởi đạt 143.300 tấn, tăng 2,4%; thanh long 326.300 tấn, tăng 4,3%; xoài đạt 236.700 tấn, tăng 1,3%; dứa 134.300 tấn, tăng 7%; chuối 653.400 tấn, tăng 2,5%... so với cùng kỳ năm 2020 (Gia Bảo 2021).

Theo các đại biểu tham gia hội thảo tham vấn, Các hiệp định thương mại quốc tế có liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp cũng như đáp ứng các yêu cầu về mặt môi trường và giảm phát thải do vậy cũng sẽ là đòn bẩy tích cực để ĐBSCL phát triển toàn diện hệ thống sản xuất lương thực của mình. Cụ thể hơn, Việt Nam là quốc gia duy nhất ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương có hiệp định thương mại tự do với EU. Sau khi Hiệp định Thương mại tự do châu Âu - Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực, thuế suất đối với nhiều loại rau quả của Việt Nam giảm từ 10–20% xuống 0 và do vậy tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm của ĐBSCL vào thị trường EU (VNA 2021c).

### 4.4 Cơ cấu tổ chức liên cấp và liên ngành

Vấn đề sản xuất và đảm bảo an ninh lương thực tại Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng yêu cầu các cơ chế và liên kết đa cấp đa ngành. Việc xây dựng bộ máy đa ngành và từ trung ương tới địa Phương để xây dựng và thực thi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và môi trường của ĐBSCL sẽ tạo điều kiện đồng bộ và kịp thời hơn để giúp các tỉnh ĐBSCL phát triển. Ví dụ, Nghị quyết 78/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị đã phân công cho các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc



xây dựng và thực hiện chính sách ở ĐBSCL bao gồm Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long, các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Quyết định 287/QĐ-TTg “Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050” (Thủ tướng Chính phủ 2022a) và Quyết định số 52/QĐ-HĐDPĐBSCL về việc “Ban hành quy chế hoạt

động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long” (Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long 2023) cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành và địa phương (Bảng 4).

Ngoài chính sách hiện có, các bộ ngành và chính quyền địa phương cũng xây dựng những sáng kiến như diễn đàn Mekong được tổ chức bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp với chủ đề “Nông nghiệp hiện đại, tuần hoàn, ít khí thải” tổ chức tại tỉnh Đồng Tháp thuộc Đồng bằng sông Cửu Long vào ngày 20 tháng 12, nhằm xác định rõ những thách thức và cơ hội để thúc đẩy chuỗi giá trị và toàn bộ ngành nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Thúy An 2022). Diễn đàn Mekong Connect 2022 nhằm tìm kiếm giải pháp cho sự phát triển kinh tế, liên kết và tích hợp các nguồn lực cho sự phát triển bền vững ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (VNA 2022b).

**Bảng 4. Chức năng và nhiệm vụ chính của các bên có liên quan trong việc xây dựng, thực thi và giám sát chính sách kinh tế, xã hội và môi trường tại ĐBSCL**

Cơ quan	Chức năng nhiệm vụ chính
Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch.</li> <li>Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch; theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.</li> <li>Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của vùng, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.</li> </ul>
Các bộ, ngành liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức thực hiện quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền.</li> <li>Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch; nghiên cứu, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra trong quy hoạch.</li> <li>Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng.</li> </ul>

Xem tiếp ở trang sau



**Bảng 4.** Tiếp trang trước

<b>Cơ quan</b>	<b>Chức năng nhiệm vụ chính</b>
Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Triển khai tổ chức lập quy hoạch tỉnh đảm bảo tính liên kết, đồng bộ với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>• Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch; nghiên cứu, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra trong quy hoạch.</li> <li>• Phối hợp với các bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đảm bảo có sự phối hợp liên tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.</li> <li>• Tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>• Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>
Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hội đồng điều phối vùng là tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, thực hiện chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, điều phối giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành và liên kết vùng, phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.</li> <li>• Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng.</li> <li>• Các Phó Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng gồm: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Phó Chủ tịch Thường trực); Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</li> <li>• Các Ủy viên gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Thứ trưởng và tương đương của các Bộ và cơ quan ngang Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công an, Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ.</li> <li>○ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.</li> </ul> </li> <li>• Hội đồng điều phối vùng có thể thành lập các tiểu ban làm đầu mối điều phối theo ngành, lĩnh vực hoặc theo các tiểu vùng. Tiểu ban được tổ chức và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng quy định.</li> <li>• Bộ máy tham mưu, giúp việc Hội đồng điều phối vùng, các bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, gồm: Văn phòng Hội đồng điều phối vùng, Tổ điều phối cấp bộ, Tổ điều phối cấp tỉnh và Tổ chuyên gia tư vấn.</li> <li>• Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng điều phối vùng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thành lập Văn phòng Hội đồng điều phối vùng. Biên chế công chức của Văn phòng Hội đồng điều phối vùng thuộc biên chế công chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.</li> </ul>

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ 2022a, 2023

#### 4.5 Ngày càng có nhiều hợp tác xã đầu tư chuỗi liên kết khép kín từ khâu tổ chức sản xuất vùng nguyên liệu xây dựng nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp

Ngoài các chính sách trung ương và địa phương, đã có nhiều ghi nhận về tính chủ động và thay đổi góc nhìn từ phía người dân và cộng đồng địa phương tại ĐBSCL trong việc hợp tác với doanh nghiệp và sản xuất theo chuỗi.

Nổi bật ở trong vùng ĐBSCL, Kiên Giang có các mô hình kinh tế tập thể liên kết và sản xuất theo chuỗi với số lượng 468 Hợp tác xã (HTX) trong lĩnh vực Nông Lâm – Thủy Sản và chăn nuôi với tổng vốn điều lệ là 199.147.637.000 đồng; với 36.195 thành viên và 66.807,55 ha canh tác, tạo việc làm cho 4.570 lao động theo thời vụ. Ba hình thức liên kết chủ yếu được thực hiện là liên kết tiêu thụ sản phẩm qua hợp đồng mua bán giữa doanh nghiệp với HTX và hộ nông dân; liên kết có hỗ trợ đầu tư và tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với HTX và liên kết theo chuỗi giá trị khép kín. Trong chuỗi giá trị khép kín doanh nghiệp đầu tư cho nông dân thông qua HTX, thu mua chế biến sản phẩm và tiêu thụ (Thùy Trang 2023, Trần VH 2023).

Tại An Giang, HTX tham gia liên kết theo 2 hình thức. Thứ nhất, HTX đứng ra ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp cho các thành viên HTX, hộ nông dân. Từ 2011 đến 2018, mỗi năm có 10–14 HTX liên kết với 15–21 doanh nghiệp. Năm 2021 có 30 doanh nghiệp triển khai liên kết sản xuất thông qua 46 HTX, diện tích liên kết lúa (nếp) đạt 87.698ha, diện tích liên kết rau màu 3.981 ha, diện tích liên kết cây ăn trái 1.356 ha (Trọng Tín 2022). Thứ hai, các chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp hàng đầu, HTX, nhà cung cấp đầu vào, người thu gom, nhà chế biến, người bán sỉ và người bán lẻ được thực hiện để sản xuất và cung cấp sản phẩm cho người tiêu dùng. Doanh nghiệp đã hợp tác với các sở, ngành của Tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã để tạo ra 24 HTX nông nghiệp mới trong khu vực nguyên liệu của tập đoàn. Doanh nghiệp đã cử nhân sự tham gia ban lãnh đạo của các HTX và cử đội ngũ “ba cùng”(cùng ăn - cùng ở - cùng làm) để hướng dẫn các thành viên HTX về kỹ thuật và quy trình canh tác hiện đại và khoa học.

Việc triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) ở nhiều tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã giúp nhiều

HTX nâng tầm sản phẩm đặc trưng, thể mạnh tại các địa phương, tạo ra giá trị gia tăng, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho các thành viên trong tổ hợp tác, HTX, góp phần phát triển kinh tế nông thôn. Sản phẩm OCOP của vùng từng bước hình thành chuỗi liên kết bền vững giữa nông dân và HTX, giữa HTX và các siêu thị, doanh nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Ví dụ, tỉnh An Giang đã tập trung phát triển các sản phẩm thể mạnh từ các sản phẩm làng nghề như: Sà rông của HTX Dệt thổ cẩm Khmer Văn Giáo (Tịnh Biên); Nước ép xoài của HTX Sản xuất - Kinh doanh - Dịch vụ nông nghiệp Chợ Mới (Chợ Mới); thổ cẩm của HTX Dệt thêu Châu Giang và lụa lãnh Mỹ A của HTX làng nghề dệt Tân Châu cùng ở thị xã Tân Châu, Nhân Xưởng của HTX Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Nông nghiệp Khánh Hòa (huyện Châu Phú); Khô ếch một nắng của HTX Thương mại - Dịch vụ - Chăn nuôi ếch Khánh Hoà (Châu Phú); Xoài Keo của HTX nông nghiệp Long Bình (An Phú); đường thốt nốt của HTX Sản xuất và tiêu thụ đường thốt nốt Nhơn Hưng... (Phương Nghi 2023).

Tại tỉnh Sóc Trăng, doanh nghiệp hay công ty sản xuất tham gia hầu hết các khâu trong chuỗi giá trị lúa gạo với đối tượng gạo ST20 chất lượng cao đem lại giá trị và lợi nhuận cao, nông dân tham gia trong chuỗi cũng hưởng lợi cao hơn nhờ giá bán cao. Trong khi đó, nhóm nông dân trồng lúa khác, sản xuất không theo chuỗi giá trị và nhiều tác nhân tham gia, giá trị và thu nhập của họ thấp hơn (Vũ 2018).

#### 4.6 Đã có nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp phát thải thấp tồn tại trong thực tế tại ĐBSCL cung cấp những dẫn chứng khoa học để có thể nhân rộng

Trong khi các chính sách đang được xây dựng để định hình về sự phát triển hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại ĐBSCL, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra các mô hình sản xuất có phát thải thấp đã tồn tại trong thực tế (Ví dụ: Lê và cộng sự 2020 đối với lĩnh vực chăn nuôi, Lê và Umestu 2022; Trần và cộng sự 2019 đối với việc trồng lúa gạo, Tra và cộng sự 2021 đối với lĩnh vực nuôi trồng cá da trơn).

Bảng 5 cũng liệt kê một số ví dụ về các hướng dẫn cụ thể cho việc giảm phát thải đối với một số ngành nghề.

**Bảng 5. Một số hướng dẫn và đề xuất cho hệ thống thực phẩm phát thải thấp tại ĐBSCL**

Ngành	Hướng dẫn	Nguồn
Lúa gạo	Xác định dấu chân các-bon của chuỗi giá trị lúa gạo	IRRI 2023a
	Hướng dẫn đầu tư vào lúa phát thải thấp ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	Nelson và cộng sự 2023
	Phân tích chi phí-tác động cho các dự án giảm phát thải	IRRI 2023b
	Lập bản đồ thích hợp cho thực hành tưới ngập khô xen kẽ trong sản xuất lúa	IRRI 2023c
	Hệ thống tham chiếu địa lý giám sát lúa gạo và MRV đối với KNK (RiceMoRe)	IRRI 2023d
	Công cụ tính Khí nhà kính từ đất trồng trọt điều chỉnh theo nguồn phát thải	IRRI 2023e
	Đề xuất hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá trong ngành lúa gạo	IRRI 2023f
	Cải tiến về rơm rạ cho nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam	IRRI 2023g
Chăn nuôi	Kế hoạch đầu tư vào lúa phát thải thấp sản xuất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong việc hỗ trợ Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris	Trần và cộng sự 2019
	Hệ thống canh tác tổng hợp không phát thải và sinh kế bền vững cho các trang trại chăn nuôi gia súc quy mô nhỏ: Nghiên cứu điển hình ở Đồng bằng sông Cửu Long	Lê và cộng sự 2020
Ngành lâm nghiệp	Thị trường các-bon xanh tại Việt Nam: Tiềm năng và thách thức phát triển trong tương lai.	Vũ và cộng sự 2023
	Tiềm năng cho phục hồi rừng tại Đồng bằng sông Cửu Long	Phạm và cộng sự 2022
Thủy sản	Ô nhiễm nước do sản xuất cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam: nguyên nhân và giải pháp kiểm soát	Phạm và cộng sự 2010
Hệ thống sản xuất đa sản phẩm nông nghiệp	Đánh giá chi phí phát thải khí nhà kính của các hệ thống nông nghiệp đa sản phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long	Yamamoto và cộng sự 2022
	Phân tích hiệu quả kinh tế-môi trường-năng lượng để tối ưu hóa việc xử lý chất thải hữu cơ của hệ thống vườn chăn nuôi: trường hợp ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	Nguyễn và cộng sự 2022
	Tính bền vững của hệ thống nuôi tôm-lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam: mô hình thích ứng với khí hậu	Đặng 2020

Hơn nữa, các đại biểu của 13 tỉnh ĐBSCL tham dự hội thảo “Hệ thống thực phẩm Phát thải thấp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Cơ hội, thách thức và tương lai” diễn ra ngày 7.11.2023 tại trường Đại học Nông Lâm cũng chia sẻ về tiến trình và triển khai thực tế tại các tỉnh liên quan đến tăng trưởng xanh và phát thải thấp có thể đưa ra các bài học nhân rộng. Ví dụ, từ năm 2016, Long An đã có một chương trình đặc thù của tỉnh và một chính sách đặc thù gọi là chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với

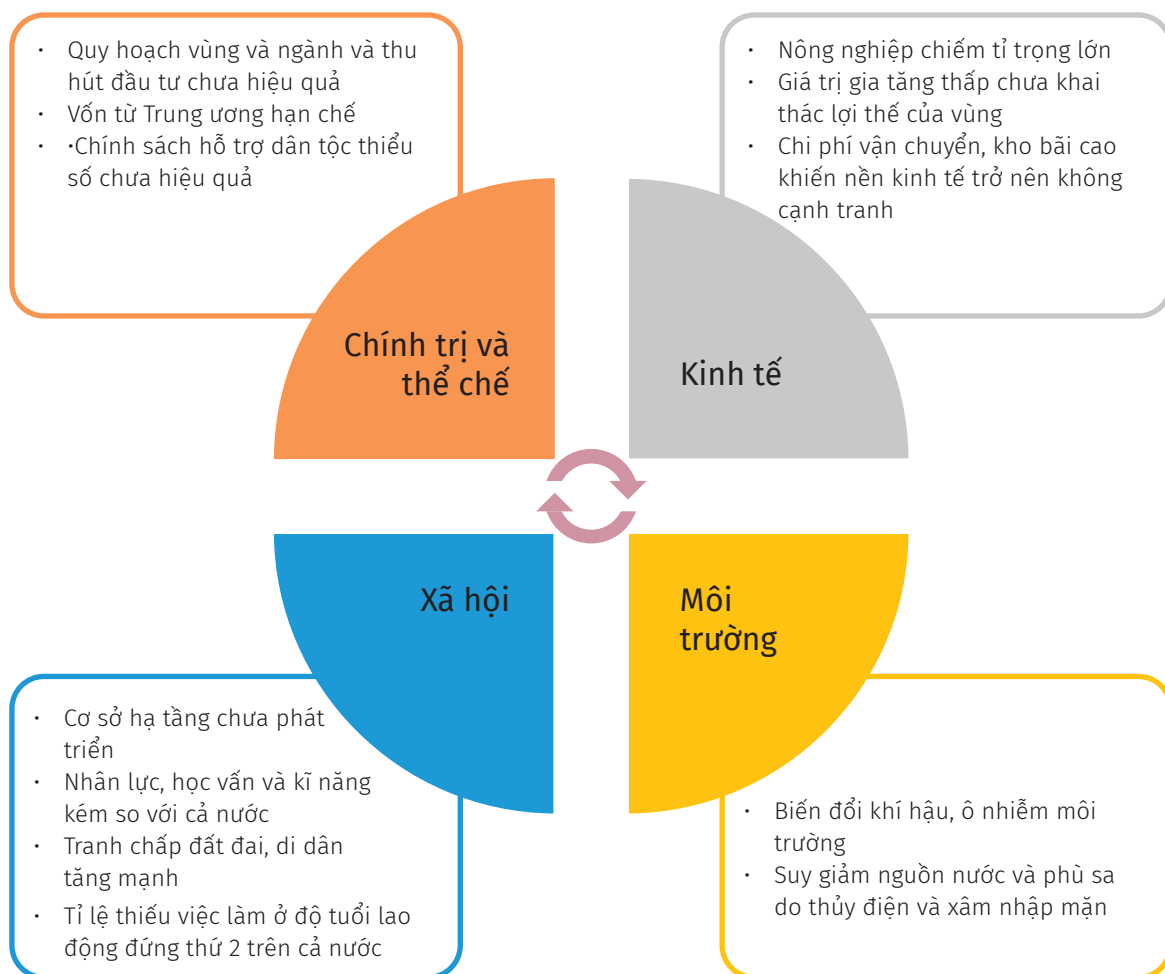
tái cơ cấu nền nông nghiệp. Để thực hiện được chương trình này, tỉnh Long An đã tiến hành các mô hình giảm được lượng phân bón vô cơ nông dân đang sử dụng để đưa vào sử dụng phân hữu cơ, ngoài ra ứng dụng cơ giới hóa để nông dân có lợi nhuận nhiều hơn và bảo vệ môi trường được tốt hơn. Các hoạt động này hoàn toàn được thực hiện với ngân sách của nhà nước cho thấy vai trò tích cực của các chương trình hỗ trợ nhà nước hỗ trợ cho ĐBSCL.

## 5 Thách thức cho sản xuất phát triển hệ thống sản xuất lương thực giảm phát thải thấp tại ĐBSCL

Việc phát triển hệ thống lương thực thực phẩm phát thải thấp tại ĐBSCL không chỉ chịu ảnh hưởng của các yếu tố trực tiếp liên quan đến từng ngành nghề riêng lẻ và còn bị ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố chính trị, văn hóa, kinh tế và môi trường ở cấp độ vĩ mô. Hình 7 và Hình 8 đưa ra tổng quan về các thách thức mà Đồng bằng Sông Cửu Long đang phải đối mặt. Nếu các thách thức này không được giải quyết, việc giảm phát thải trong sản xuất lương thực tại ĐBSCL khó có thể thực hiện được.

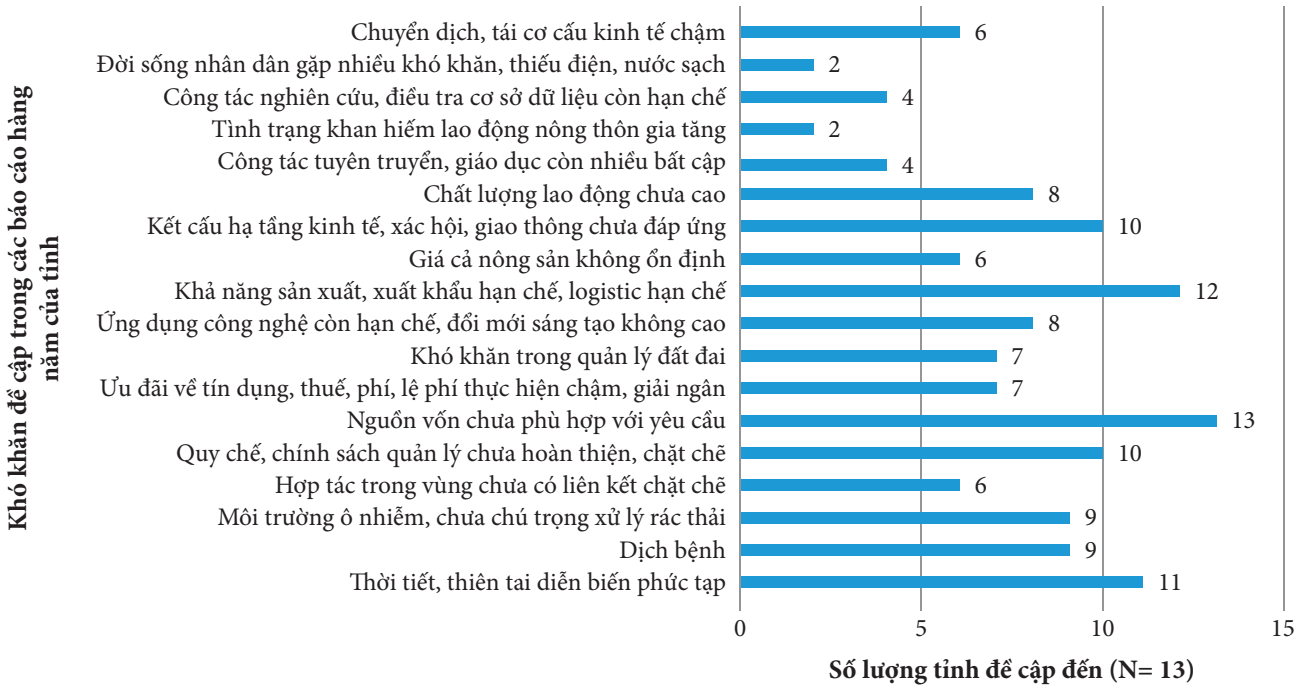
Ngoài ra, kết quả rà soát báo cáo hàng năm của 13 tỉnh thành tại ĐBSCL về thực trạng, khó khăn trong việc sản xuất lương thực, đảm bảo an ninh xã hội và bảo vệ môi trường cũng chỉ ra những khó khăn chung mà 13 tỉnh ĐBSCL đang phải đối mặt (Hình 8).

Các phần dưới đây phân tích sâu hơn về các khó khăn mà ĐBSCL đang phải đối mặt.



**Hình 7. Các thách thức về thể chế, môi trường, kinh tế và xã hội để phát triển bền vững ĐBSCL**

Nguồn: Ban Chấp hành Trung Ương Đảng 2012; VCCI và Fulbright 2020, 2022



Hình 8. Khó khăn trong việc thực hiện chính sách giảm phát thải trong hệ thống lương thực thực phẩm tại ĐBSCL được đề cập trong các báo cáo của 13 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL trong giai đoạn 2018–2023

## 5.1 Khó khăn về các yếu tố môi trường

### Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và xâm nhập mặn

Nông nghiệp luôn là trụ đỡ trong bối cảnh kinh tế khó khăn và ngành nông nghiệp đã, đang và sẽ đối mặt với ba chữ “biến”, đó là: Biến đổi khí hậu, biến động thị trường, biến chuyển với xu thế tiêu dùng của thế giới theo hướng xanh, bền vững (BB 2023).

**Biến đổi khí hậu.** Là quốc gia nằm ở cuối nguồn sông Mekong, Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng đang cảm nhận rõ nét nhất những tác động nặng nề này. Dòng chảy từ thượng nguồn sông Mekong về hạ du và vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã bị sụt giảm nghiêm trọng. Vùng thường xuyên phải đối mặt với các đợt hạn hán nghiêm trọng và hiện tượng xâm nhập mặn có xu hướng xuất hiện sớm hơn từ 1–1,5 tháng với phạm vi và cường độ lớn hơn so với trước đây. Năm 2020, lượng phù sa xuống Đồng bằng sông Cửu Long đã giảm chỉ còn bằng 1/3 lượng phù sa của trước đó 15 năm... Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của hơn 20 triệu người dân Đồng bằng sông Cửu Long, cũng như nỗ lực bảo đảm an

ninh nguồn nước và an ninh lương thực cho tất cả các quốc gia trong lưu vực (VGP 2023).

Biến đổi khí hậu khiến mực nước biển tăng và thay đổi lượng nước mưa so với trước đây. Điều này dẫn tới **tình trạng xâm nhập mặn trong đồng ruộng và khan hiếm nước tưới** ở Đồng bằng sông Cửu Long. Hậu quả là 70% diện tích đất trồng lúa bị nhiễm mặn và sản lượng lúa giảm tới 30%, khiến hàng ngàn nông dân mất thu nhập (Thu Phương 2023a). Năm 2020, mực nước sông Mê Kông đã giảm xuống mức thấp kỷ lục khiến Việt Nam phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp cho 5 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (Kim Long 2020). Hạn hán và xâm nhập mặn cũng dẫn tới sản lượng thu hoạch giảm, chi phí sản xuất tăng và người dân đã phải di dân lên thành thị tìm việc làm.

Các thay đổi về dòng chảy dưới tác động của biến đổi khí hậu, sụt lún bờ biển, phát triển các nhà máy thủy điện ở thượng nguồn và các cơ sở hạ tầng đã làm giảm lượng nước tưới tiêu và dẫn đến hậu quả là khai nước ngầm quá mức tại khu vực ĐBSCL (Ngân hàng Thế giới 2022; Thúy An 2022; Phạm 2020).



## 5.2 Khó khăn về chính trị, chính sách và thể chế

### 5.2.1 Thiếu tầm nhìn về vấn đề gây phát thải từ hệ thống sản xuất nông nghiệp, lương thực và thực phẩm và định nghĩa đúng và đủ về hệ thống lương thực

Với các chính sách an ninh lương thực và phát thải hiện nay, Việt Nam và ĐBSCL chưa giải quyết toàn diện và có hệ thống các cấu phần của hệ thống lương thực. Đặc biệt, vấn đề lãng phí và thất thoát lương thực chưa được tính đến và nghiên cứu kỹ lưỡng. Việc thiếu vắng một hệ thống giám sát, theo dõi và báo cáo về phát thải cũng như tác động về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường cho toàn bộ hệ thống lương thực cũng gây khó khăn trong việc chính sách hiệu quả. Việc thiếu các hướng dẫn cụ thể của các ngành cũng làm các địa phương tại ĐBSCL gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai chính sách trung ương đề ra.

Các định hướng cho ĐBSCL đang chỉ tập trung vào thay đổi cơ cấu nông nghiệp từ lúa gạo – thủy sản – trái cây sang thủy sản – trái cây – lúa gạo mà chưa có cách tiếp cận và định hướng rõ ràng về hệ thống lương thực xuyên chuỗi các ngành nghề này theo cơ chế giảm phát thải.

Ngoài ra, phần lớn các bên có liên quan nhận định về an ninh lương thực ở Việt Nam vô hình trung đồng nghĩa với sản lượng lương thực, trong đó chủ chốt là gạo, và hệ quả là phải kiên quyết giữ diện tích đất lúa (Thu Phương 2023b). Thay đổi quan điểm về an ninh lương thực là tiền đề then chốt cho việc thay đổi tầm nhìn về sự phát triển của vùng ĐBSCL. Việc áp dụng quan điểm “an ninh lương thực” mới, trong đó chú trọng khả năng tiếp cận, chất lượng, sự an toàn, khả năng chống chịu và thích nghi trước những cú sốc về kinh tế và môi trường, sẽ cho phép các địa phương chỉ phải giữ một diện tích đất lúa đủ cho tiêu dùng nội địa và dự trữ/xuất khẩu ở một tỷ lệ nhất định, sau đó chuyển đổi mục đích một cách linh hoạt sang các hoạt động có năng suất và giá trị cao hơn. Giảm bớt thâm canh lúa cũng giúp giảm ô nhiễm môi trường, khôi phục chất lượng đất, giảm phát thải CO<sub>2</sub>, đồng thời tạo điều kiện cho ĐBSCL xây dựng các vùng chuyên canh nông nghiệp quy mô lớn và hình thành các đô thị động lực với cơ sở hạ tầng hiện đại (VCCI và Fulbright 2022). Hơn nữa, chuỗi giá trị sản phẩm nông sản như gạo thường được quy định sẽ phải thực hiện

một cách bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội. Tuy nhiên, đến nay, bền vững về kinh tế luôn được đặt trọng tâm (Thu Phương 2023b) trong khi các vấn đề khác được coi là tính bổ sung hoặc giá trị gia tăng. Chính điều này đã gây nhiều khó khăn trong việc tiến tới mục tiêu giảm phát thải.

Định hướng phát triển của ĐBSCL đặt ưu tiên vào việc nâng cao chất lượng và tăng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 7,5%, bảo vệ các hệ sinh thái rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển và các hệ sinh thái đầm phá nhằm đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chủ động phòng, tránh giảm thiểu rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng và giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình phát triển nông nghiệp, công nghiệp, đô thị thông qua hiện đại hóa công nghệ xử lý nước thải, chất thải rắn, tăng cường thu gom, xử lý và tái chế rác thải. Tuy nhiên, văn kiện chính sách hiện nay về hệ thống thực phẩm chưa chú trọng đến tiềm năng của ngành nông lâm nghiệp một cách đầy đủ. Sử dụng và phục hồi bền vững tài nguyên thiên nhiên tại ĐBSCL cần được chú trọng nhiều hơn.

### 5.2.2 Hòa hòa giữa các chính sách và xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá phát thải cho hệ thống thực phẩm

Toàn bộ ngành thực phẩm chỉ tập trung vào lúa gạo mà chưa chú trọng đến các ngành thực phẩm khác và toàn bộ hệ sinh thái. Việt Nam có cả chính sách đảm bảo an ninh lương thực nội địa cũng như xuất khẩu ra thị trường quốc tế nhưng hài hòa các chính sách này để đảm bảo cả hai mục tiêu đòi hỏi sự chính xác trong việc xác định diện tích đất mà cho tới nay các số liệu theo dõi giữa các Bộ ngành và địa phương sử dụng các số liệu và phương thức thu thập số liệu khác nhau, cách thức phân loại các loại đất khác nhau dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện (CDKN 2014). Một trong những trọng tâm của các chính sách hiện nay là hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin vùng, cơ sở dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng và các địa phương.

Ngoài ra, mặc dù Việt Nam đã dần chuyển hướng từ tập trung sản xuất gạo sang định hướng phát triển toàn diện và bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu nhưng để thực hiện mục tiêu này cần sự đồng hành và hài hòa hóa với các chính sách



khác, mà đặc biệt trong bối cảnh của các chiến lược phòng tránh quản lý thiên tai, đặc biệt là lũ lụt. Đặc biệt với chính sách khuyến khích các hộ nông dân cứ sau 3 năm lại để ruộng lúa ngập nước đã khiến nhiều hộ dân ngần ngại vì sinh kế không ổn định (Trần và cộng sự 2021).

Một trong thách thức lớn nữa đối với các bên có liên quan là đảm bảo hài hòa hóa giữa các chính sách khác nhau để thực hiện một chính sách hiệu quả có thể gây ảnh hưởng tiêu cực lên các chính sách và mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải trong chuỗi sản xuất lương thực (Bảng 6).

Cụ thể hơn, việc ĐBSCL được coi là vựa lúa của Việt Nam và là trung tâm nông nghiệp đã dẫn tới hệ lụy rằng phần lớn các tỉnh cho tới nay tập trung vào thâm canh lúa kéo dài. Tuy nhiên, các địa phương đang tập trung đẩy mạnh năng suất và sản lượng lúa gạo để đạt tốc độ tăng trưởng GDP nhanh, các mục tiêu kinh tế khác và đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Vì vậy, họ đã không thể kết hợp các mục tiêu an ninh lương thực, phát triển kinh tế và an sinh xã hội với các mục tiêu giảm phát thải. Ngoài ra, sản xuất lúa ít các bon vẫn còn tốn kém, khiến nông dân không muốn áp dụng phương pháp này (VNA 2021b).

**Bảng 6. Rủi ro tiềm năng từ việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với hệ sinh thái ven biển và giảm phát thải trong hệ thống sản xuất lương thực tại ĐBSCL**

Mục tiêu, giải pháp	Tiềm năng rủi ro
<p><b>Quyết định phê duyệt quy hoạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kinh tế tăng trưởng với tốc độ bình quân khoảng 6,5%/năm. Quy mô nền kinh tế (GRDP) năm 2030 lớn hơn 2-2,5 lần so với năm 2021.</li> <li>• Cơ cấu kinh tế: Năm 2030, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GRDP khoảng 20%; công nghiệp - xây dựng khoảng 32%; dịch vụ khoảng 46%; thuế và trợ cấp khoảng 2%.</li> <li>• Phát huy có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hóa phong phú, đa dạng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.</li> <li>• Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, có ý nghĩa quan trọng đối với việc chuyển đổi mô hình phát triển, đặc biệt chú trọng đến hạ tầng giao thông, năng lượng, cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng xã hội.</li> </ul>
<p>Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chuyển dần từ cơ cấu ngành thâm dụng lao động sang thâm dụng vốn, từ công nghệ thấp sang trung bình và cao theo hướng thông minh. Đến năm 2030, tỷ trọng các ngành thâm dụng lao động, chế biến thô, các ngành công nghệ thấp giảm xuống dưới 50%</p>	<p>Hiện nay việc đánh giá hiệu quả tài nhiên chỉ dùng chỉ số thu nhập và tài chính ngắn hạn làm chỉ số đánh giá. Việc thiếu các nghiên cứu tính toán đầy đủ giá trị của hệ sinh thái ven biển trong khu vực đã dẫn tới việc ưu tiên các mô hình phát triển kinh tế trong sự đánh đổi về sự bền vững và đa dạng sinh học biển.</p> <p>Một mặt, phát triển cơ sở hạ tầng là điều kiện phát triển ngành nông nghiệp. Một mặt khác, đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến phá rừng, suy thoái rừng và hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển.</p>
<p><b>Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045</b></p>	<p>Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa và quy mô lớn thì sẽ tạo ra tiền đề bật phá kinh tế của ĐBSCL, sự thay đổi này có ảnh hưởng lớn đến các hộ gia đình quy mô nhỏ (vd. mất việc làm, mất đất, di dân).</p> <p>Việc ưu tiên vào phát triển kinh tế đạt mức tăng trưởng hàng năm, giảm tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp và thúc đẩy ưu tiên đô thị hóa gây áp lực lớn đối với diện tích rừng hiện có.</p>

Chính sách đất đai cũng là vấn đề nổi cộm. Sự phân mảnh của sở hữu đất đai có tác động tới sản xuất lúa gạo và an ninh lương thực của nhiều hộ gia đình. Nếu chỉ số phân mảnh đất đai tăng 1% thì khả năng hộ dân đó phải chịu rủi ro của mất an ninh lương thực sẽ là 4.79% những hộ không chịu sự phân mảnh này (Nguyễn và cộng sự 2022).

Ngoài ra mặc dù Chính phủ Việt Nam đặt trọng tâm vào giữ vững diện tích sản xuất lương thực, các mục tiêu mở rộng đô thị cũng sẽ gây nhiều khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu này (Pulliat 2015).

Một thách thức khác là về hệ thống theo dõi giám sát khí thải liên quan đến hệ thống thực phẩm. Theo đại diện của các bên có liên quan chia sẻ tại hội thảo, với cách tiếp cận và cách tính toán của ủy ban chính phủ về biến đổi khí hậu năm 2006, việc kiểm kê phát thải khí nhà kính ở cấp độ quốc gia đang được tiến hành kiểm kê trong các lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp. Trong các lĩnh vực trên, việc tính toán phát thải khí nhà kính không được chồng chéo lên nhau như trong năng lượng thì sẽ không có phần nào chồng chéo lên nông nghiệp hay rừng, hay thay đổi sử dụng đất. Trong khi ngành nông nghiệp chỉ liên quan đến toàn bộ các phần hoạt động canh tác ở trên đất, nhưng việc kiểm kê khí nhà kính hoặc giảm phát thải khí nhà kính của hệ thống thực phẩm sẽ bao gồm rất nhiều lĩnh vực có liên quan đến nhau như năng lượng, nông nghiệp và chất thải. Trong quá trình làm việc, đại biểu tại hội thảo "Hệ thống thực phẩm Phát thải thấp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Cơ hội, thách thức và tương lai" nhận thấy rằng nhờ sự khó khăn của hệ thống phát thải khí nhà kính đó, cách giảm phát thải khí nhà kính đúng mới được đưa ra. Khó khăn trong cách tính toán và cách tiếp cận cho kiểm kê phát thải khí nhà kính của hệ thống thực phẩm là phải thu thập các số liệu đủ như là trong quá trình vận chuyển máy móc, trong quá trình làm trâu, trúng trâu, sau thu hoạch, vận chuyển về hợp tác xã về kho, và cả việc tiêu thụ năng lượng trong quá trình vận chuyển. Và sau khi sử dụng xong thực phẩm nói trên, chất thải sản sinh sau có được tính vào trong cái chuỗi này không? Điều này rất quan trọng và cần tìm ra giải pháp làm thế nào để phân tách. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành một số văn bản liên quan đến phát thải khí nhà kính cũng như các danh mục, các lĩnh vực trong việc giảm phát thải khí nhà kính và kiểm kê giảm

phát thải khí nhà kính. Khi tiếp cận, cần tính toán phạm vi mức độ tiếp cận vốn với ba cấp độ: Cấp độ một là liên quan đến các lĩnh vực trong khuôn viên của nhà máy, cấp độ 2 là gián tiếp, cấp độ 3 là có thể giảm chất thải.

Về hệ thống lưu trữ ở cấp độ quốc gia, hiện tại có một trang web, tuy nhiên ở cấp độ tiếp cận theo chuỗi của hệ thống thực phẩm giảm phát thải thì chưa có. Hiện tại, chỉ có một số nghiên cứu cũng làm về footprint của lúa gạo, họ cũng tiến hành nghiên cứu theo phương pháp luận ở trên thế giới. Với quan điểm của đại biểu, độ chắc chắn là chưa cao. Các văn bản liên quan đến việc đo đạc báo cáo phát thải khí nhà kính đã có thông tư hướng dẫn trong lĩnh vực chất thải và Bộ Công thương cũng đã có dự thảo về các lĩnh vực này. Thông tư thứ nhất là nó cho ngành, thứ hai là cho cơ sở của ngành. Để có thể kết hợp nhiều ngành thành một thể thống nhất để tính toán cả hệ thống lương thực thực phẩm của Việt Nam thì cần phải có sự xem xét kỹ càng từ các chuyên gia của từng ngành để có được một phương pháp luận thống nhất. Hiện nay đã có một số cơ quan thu thập dữ liệu ở mức độ cấp xã, cấp huyện thì vẫn có thể làm việc được nhưng sẽ gặp nhiều bất thuận vì hệ thống cấp quốc gia cần phải có những cái nghiên cứu cũng như là khảo sát cụ thể chi tiết từng vùng riêng để đánh giá được hiện trạng đúng.

Trong khi các cơ quan trung ương đang tập trung xây dựng các chính sách mới và hoàn thiện hệ thống pháp lý, các đại diện của 13 tỉnh ĐBSCL tham gia hội thảo chia sẻ rằng khó khăn của họ là có quá nhiều chính sách và khó khăn đối với tỉnh là với nguồn lực hạn chế họ sẽ phải ưu tiên chính sách nào và khi các chính sách chồng chéo hoặc mâu thuẫn họ sẽ giải quyết ra sao.

### **5.2.3 Hệ thống sản xuất chỉ quan tâm vào số lượng chứ không phải chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.**

Hiện nay các chính sách phát triển chỉ tập trung vào gia tăng sản lượng trong khi một rủi ro lớn cho chuỗi lương thực thực phẩm của Việt Nam là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm (Hà và Hà 2023) vì sản xuất nông nghiệp của Việt Nam sử dụng rất nhiều hóa chất, thuốc trừ sâu và phân bón hóa học và đầu vào không có nguồn gốc rõ ràng (Ngân hàng Thế giới 2016, Le và Umetsu 2022, Nguyễn và Minh 2023). Mặc dù các doanh nghiệp liên quan tới nông nghiệp và lương thực

thực phẩm đóng vai trò ảnh hưởng quan trọng đến sản xuất nông nghiệp của ĐBSCL, tính bền vững trong chuỗi sản xuất còn họ còn nhiều rủi ro (Hutton và cộng sự 2021).

### 5.3 Thách thức về xã hội

#### 5.3.1 Nguồn lực con người và năng lực đáp ứng với điều kiện mới

Một trong những khó khăn mà các tỉnh thuộc ĐBSCL đưa ra trong quá trình thực hiện giảm phát thải trong hệ thống sản xuất lương thực thực phẩm là **năng lực cho cán bộ và nông dân địa phương để có thể quản lý các hệ thống giảm phát thải này một cách hiệu quả** trong bối cảnh biến đổi khí hậu gia tăng (Thu Phương 2023a). Hiện nay, còn khá ít doanh nghiệp và hợp tác xã tập trung đầu tư vào sản xuất, bảo quản, chế biến và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

Các bên tham gia hội thảo “Hệ thống thực phẩm Phát thải thấp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long: Cơ hội, thách thức và tương lai” ngày 7 tháng 11 năm 2023 tại trường Đại học Nông Lâm cũng chỉ ra thách thức khi chưa có nhiều các nghiên cứu được thực hiện ngoài thực tế để kiểm chứng các kết quả nghiên cứu khoa học trên diện rộng. Các nghiên cứu mới chỉ ra được những biện pháp giảm phát thải và chưa ứng dụng nó được ở thực tế, chưa chỉ ra được các biện pháp đó thích hợp để áp dụng ở vùng nào, với diện tích đất là bao nhiêu. Điều này khiến cho quá trình lên kế hoạch hành động giảm phát thải ở địa phương gặp khó khăn vì không biết nên áp dụng mô hình nào. Ngoài ra, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về các ngành hàng cụ thể, còn có rất ít các nghiên cứu nhìn nhận toàn bộ hệ thống lương thực và xác định cái nào là mắt xích quan trọng để thay đổi và quyết định cả một chuỗi.

Các đại biểu tham gia hội thảo tham vấn cũng chỉ ra sự thiếu hụt các nghiên cứu đánh giá đúng và đủ vấn đề phát thải của khâu chế biến, đóng gói bao bì và quan trọng hơn là các chính sách thay đổi hành vi, lối sống và khẩu phần ăn của người Việt Nam để các nhà hoạch định chính sách có các biện pháp can thiệp và giải pháp phù hợp.

Các đại biểu cũng nêu ra thực tế khi nhận thức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam về sản phẩm bền vững còn thấp. Họ không biết những khái niệm như biến đổi khí hậu, thích ứng và giảm thiểu các tác động về biến đổi khí hậu.

Mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp này tham gia vào giảm phát thải cũng rất hạn chế. Họ cho rằng đây là vấn đề quá xa xôi và thay đổi mô hình sản xuất sẽ khiến cho chi phí sản xuất tăng cao. Các doanh nghiệp sẽ chỉ tiến hành các biện pháp đóng góp cho môi trường nếu chính phủ có yêu cầu. Tuy nhiên, chính sách hiện nay vẫn còn quá khó hiểu với các doanh nghiệp, họ không biết được là cụ thể họ cần làm gì, các chính sách cũng chưa giải thích được các khái niệm mới cho các doanh nghiệp như là thị trường các-bon, thuế các-bon.

Các đại biểu từ 13 tỉnh ĐBSCL cũng chia sẻ khó khăn trong việc truyền tải các thuật ngữ kỹ thuật và khái niệm quốc tế liên quan đến hệ thống phát thải đối với người dân vì các khái niệm này thường mơ hồ và thiếu liên kết thực tế đối với người dân địa phương.

#### 5.3.2 Tiếp cận đối với lương thực thực phẩm

Các văn bản hướng dẫn hỗ trợ tiếp cận với lương thực thực phẩm của Việt Nam cho tới nay mới chỉ nhìn nhận đến việc hỗ trợ người dân cải thiện sinh kế và tăng thu nhập từ đó có điều kiện mua lương thực nhiều và tốt hơn. Tuy nhiên, việc tiếp cận đối với lương thực thực phẩm tại Việt Nam và ĐBSCL bao gồm nhiều khía cạnh xã hội và kinh tế khác cần được xem xét.

**Tiếp cận an ninh lương thực của nông thôn và thành thị là khác nhau.** Tại đô thị thuộc ĐBSCL, người nhập cư là tầng lớp lao động thường gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận với các thực phẩm đầy đủ dinh dưỡng do thu nhập không ổn định (Nguyễn và cộng sự 2022). Ngay cả khi các nhóm này được nhận các chương trình xã hội hỗ trợ lương thực thì thực phẩm họ nhận được cũng không cân bằng và đầy đủ về dinh dưỡng (Nguyễn và cộng sự 2022). Đặc tính của người nhập cư cũng bao gồm nhận lương thực từ người nhà gửi lên và ngược lại gửi tiền để người nhà mua thức ăn. Tuy nhiên, giá thành của lương thực và thực phẩm cao đã ảnh hưởng tiếp cận về lương thực của cả người ở quê nhà và người nhập cư làm việc ở thành phố (Hoàng và cộng sự 2013). Ngoài ra lãnh đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng chia sẻ khó khăn khi lực lượng lao động có xu hướng chuyển dần ra thành thị và do vậy sẽ khó khăn trong việc đảm bảo nhân lực tại các vùng nông thôn (Việt Nam News 2023).

**Tiếp cận với an ninh lương thực của người dân tộc thiểu số với người Kinh có sự khác biệt tại ĐBSCL.** Vương và cộng sự (2023) chỉ ra rằng các hộ gia đình dân tộc Khmer ở ĐBSCL thường gặp khó khăn trong việc đảm bảo an ninh lương thực so với các hộ gia đình người Kinh bởi tiếp cận với nguồn lực tự nhiên, đất đai, tài chính, xã hội và năng lực điều hành để chống chọi với các cú sốc như thiên tai, dịch bệnh. Nhiều nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm dễ tổn thương bao gồm cộng đồng ven biển, phụ nữ và trẻ em chịu nhiều rủi ro của việc thiếu đảm bảo an ninh lương thực do rào cản ngôn ngữ và năng lực tài chính, xã hội và kỹ thuật hạn chế (Care Climate Change 2021; Nguyễn và cộng sự 2021; Vũ và cộng sự 2022). ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung cần xây dựng các chính sách cụ thể để xóa bỏ tình trạng suy dinh dưỡng và thiếu lương thực, trong đó tập trung vào cộng đồng dân tộc thiểu số (Nguyễn và Minh 2023).

### 5.3.3 Bình đẳng giới

Nhìn chung, các chính sách hiện nay của Việt Nam và các giải pháp được triển khai tại ĐBSCL tập trung hỗ trợ người nghèo với mục tiêu xóa đói giảm nghèo của quốc gia. Tuy nhiên về vấn đề bình đẳng giới, hỗ trợ nhóm dễ tổn thương bao gồm phụ nữ và người dân tộc thiểu số cần có những nỗ lực lớn hơn để hỗ trợ và giảm thiểu tác động với nhóm này.

Mặc dù ĐBSCL có tốc độ giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế ấn tượng nhưng vấn đề bình đẳng giới vẫn cần được chú trọng tại khu vực này khi mức lương chi trả cho nam và nữ cho cùng một hoạt động lao động không đồng đều, trong đó nam thường có thu nhập cao hơn (GTZ và AusAID, 2010). Trong một số hoạt động sinh kế, ví dụ như nuôi tôm công nghiệp, chủ yếu người tham gia là nam giới. Cơ giới hóa trồng lúa, cung cấp công việc kỹ thuật cho nam giới, đồng thời cũng hạn chế cơ hội việc làm cho phụ nữ (GTZ và AusAID 2010).

Người nghèo, đặc biệt là phụ nữ nghèo và không có đất, phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác nhau để sinh sống nhưng các chính sách như khoán rừng và bảo vệ rừng tự nhiên cũng gây nhiều trở ngại cho họ tiếp tục có nguồn thu nhập từ các tài nguyên này. Vai trò truyền thống và trình độ học vấn hạn chế của phụ nữ tại ĐBSCL cũng khiến họ khó thoát khỏi vòng

luẩn quẩn của sự dễ bị tổn thương và bấp bênh (VNS 2023).

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã có nhiều chính sách giải quyết bình đẳng giới trong thích ứng và giảm thiểu với biến đổi khí hậu nhưng việc lồng ghép các chính sách này vào các chính sách địa phương và các hoạt động cụ thể ngoài thực tế chưa được triển khai hiệu quả (USAID 2023). Việc lồng ghép giới vào các chính sách biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên còn bị xem nhẹ và thường nằm trên giấy tờ hơn là được hiện thực hóa tại các tỉnh (Pham và Brockhaus 2016, Pham và cộng sự 2016).

### 5.3.4 An ninh lương thực không đồng đều giữa các vùng miền và địa phương

Về an ninh lương thực tại chỗ, hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng mỗi năm dư khoảng 3 triệu tấn thóc; vùng trung du miền núi phía Bắc dư 1,2 triệu tấn; khu vực Bắc Trung Bộ dư 2,2 triệu tấn; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ 1,75 triệu tấn; khu vực Tây Nguyên 0,3 triệu tấn; riêng khu vực Đông Nam Bộ thì các vùng khác phải cung cấp thêm 0,56 triệu tấn. Đặc biệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tính toán phương án cung cấp gạo ở mức cao để chủ động trong việc cảnh báo sớm, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Do vậy, con số dự báo có 15 triệu tấn thóc để phục vụ xuất khẩu còn có thể chênh lệch tăng thêm lên 17 triệu tấn, tương đương trên 7,5 triệu tấn gạo để xuất khẩu (Thúy An 2023).

## 5.4 Thách thức về kinh tế

### 5.4.1 Nguồn tài chính hạn chế và bất ổn của thị trường

Cơ hội giảm được tỷ lệ phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên, đòi hỏi nguồn kinh phí khá cao để đầu tư các giải pháp khoa học kỹ thuật (Thu Phương 2023c). Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực để tăng nguồn lực tài chính hỗ trợ thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải nhưng nguồn lực này hiện nay vẫn chưa đáp ứng hết nhu cầu thực tế. Ngoài ra, thu nhập của các hộ gia đình trong ĐBSCL cũng hạn chế do vậy chưa thích ứng nhanh và kịp với các chuyển đổi để hướng tới mô hình giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhiều nghiên cứu cho rằng thay vì dàn trải thì ưu tiên đầu tư vào biến đổi khí hậu và chính sách an ninh lương



thực tập trung vào các vùng có rủi ro cao (Vũ và cộng sự 2022).

Các loại hình nông sản mà ĐBSCL đang sản xuất và thương mại chịu áp lực lớn của biến động thị trường (Báo Chính phủ 2023). Ngay cả khi giá thành sản phẩm của một số mặt hàng chủ chốt như gạo tăng mạnh thì giá lúa trong nước cũng tăng và do vậy nhiều doanh nghiệp phải bán lỗ để giữ chữ tín đồng thời gây nhiễu loạn thị trường khi nguồn cung vượt quá nguồn cầu (Nguyễn 2023a).

Việt Nam xếp thứ tư trong khu vực Đông Nam Á và thứ 54 trên thế giới theo Chỉ số An ninh lương thực được phát triển bởi tổ chức Economist Intelligence Unit (EIU). Việt Nam đã làm tốt trên chỉ số – sự hiện diện và chất lượng của các chương trình mạng lưới an toàn thực phẩm, tiếp cận tài chính cho nông dân, thay đổi chi phí lương thực trung bình, tỷ lệ dân số theo chuẩn nghèo toàn cầu, an toàn thực phẩm, biến động sản xuất nông nghiệp, khả năng hấp thụ đô thị và thất thoát lương thực – với số điểm trên 75. Tuy nhiên, Việt Nam cần nỗ lực nhiều hơn với các chỉ số chỉ tiêu công cho nghiên cứu phát triển nông nghiệp và khả năng chi trả lương thực với 5,3 điểm, thấp hơn mức trung bình thế giới lần lượt là 5,0 và 17,8 điểm (VNA 2019).

#### **5.4.2 Nguồn lực tài chính tập trung vào thích ứng với biến đổi khí hậu thay vì tập trung vào giảm thiểu**

Chính phủ Việt Nam dành ưu tiên nguồn lực cho thích ứng hơn là giảm thiểu. Hơn 70% ngân sách

dành cho biến đổi khí hậu của các bộ và 90% của tỉnh là dành cho thích ứng. Trong khi đó việc giảm thiểu chủ yếu đến từ doanh nghiệp, các tổ chức nước ngoài (Việt Nam News 2022). Theo báo cáo của VCCI và Fulbright (2022), đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước thử thách của ba vòng xoáy: vòng xoáy ngân sách, vòng xoáy lao động và vòng xoáy cấu trúc kinh tế. “Vòng xoáy ngân sách” phản ánh tình trạng thiếu đầu tư trầm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Do thiếu đầu tư của Nhà nước, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông của vùng vừa thiếu, vừa yếu, vừa xuống cấp nên không thu hút được nhiều dự án đầu tư hiệu quả. Đây cũng chính là điểm khởi đầu của vòng xoáy thứ hai về lao động. “Vòng xoáy lao động” xuất phát từ tình trạng thiếu cơ hội việc làm nên lao động trẻ di cư từ Đồng bằng sông Cửu Long đến các khu vực đô thị và công nghiệp ở Đông Nam Bộ, làm suy giảm cả số lượng, chất lượng lao động của vùng. Điều này làm trầm trọng thêm vòng xoáy đi xuống về đầu tư do lợi thế lao động dồi dào không còn là lợi thế giá rẻ lại đi đôi với chất lượng thấp.

#### **5.4.3 Các yếu tố thúc đẩy đầu tư vào ĐBSCL đang hạn chế**

Việc Đồng bằng sông Cửu Long thiếu nguồn lực, lao động tiếp tục di cư vì mức sống thấp và thiếu cơ hội việc làm, cơ sở hạ tầng yếu giao thông có điểm nghẽn lớn nhất là chưa đầy đủ và đồng bộ; nhất là vùng chưa có cảng biển nước sâu nên khiến cho việc xuất khẩu yếu, lợi thế cạnh tranh rất khó khăn, thu hút đầu tư và phát triển nguồn nhân lực của vùng bị hạn chế (TTXVN 2023b).

## 5.5 Khó khăn cho từng loại hình thực phẩm

**Bảng 7. Khó khăn thách thức cho một số loại hình thực phẩm**

Ngành hàng	Thách thức
<b>Lúa Gạo</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi nền sản xuất lúa gạo là vấn đề không dễ, thực hiện việc thay đổi đó càng khó khăn hơn.</li> <li>Quy hoạch vùng trồng chưa đồng bộ; thu nhập của nông dân còn thấp; tỷ lệ sản xuất bền vững còn chưa cao; tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch còn cao; trong khi giá trị xuất khẩu chưa cao, chưa nhiều thương hiệu; dịch vụ hỗ trợ thương mại gạo phát triển chậm, chi phí logistics cao; sản xuất lúa gạo còn gây tác động tiêu cực đến môi trường và biến đổi khí hậu; thiếu hệ thống kiểm soát phát thải khí nhà kính...</li> <li>Một trong các khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải là thiếu những số liệu để xác định, quá trình thu thập số liệu còn khó khăn do thiếu nguồn lực con người và tài chính.</li> </ul>
<b>Thủy sản</b>	<p>Thất thoát thực phẩm trong chuỗi giá trị cá da trơn (cá tra) ở lưu vực sông Mekong còn rất ít được biết đến.</p> <p>Hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; giải pháp tháo gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC) đối với thủy sản.</p> <p>Thách thức của ngành tôm Việt Nam hiện nay, đó là: suy thoái môi trường và bệnh dịch; chất lượng đầu vào (giống, thức ăn, hóa chất...) khó kiểm soát; tổ chức sản xuất và năng lực kỹ thuật còn hạn chế; mức độ ứng dụng khoa học công nghệ thấp; biến động các chỉ tiêu môi trường nước, chất lượng môi trường kém; tiềm ẩn ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật)</p>
<b>Rau củ</b>	<p>Do thiếu thông tin thị trường nên nông dân chạy theo trồng quy mô những nông sản đang có giá cao. Việc này kéo theo nhiều nông dân tăng diện tích nông sản “thời thượng” một cách nhanh chóng. Hệ lụy là khi nông sản thu hoạch, thị trường bị cung vượt cầu, giá rớt thê thảm. Nhiều loại nông sản đang rớt giá trầm trọng khiến nông dân gặp nhiều khó khăn. Đối với các loại nông sản này, ngoài nguyên nhân thị trường xuất khẩu thu hẹp, việc các chợ đầu mối ở TP.HCM– nơi tiêu thụ nông sản lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long ngừng hoạt động khiến nông sản ùn ứ. Bên cạnh đó, trở ngại trong khâu vận chuyển hàng hóa ra khỏi những vùng cách ly (trong giai đoạn dịch bệnh) cũng khiến nông sản gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ.</p>
<b>Chăn nuôi</b>	<p>Chăn nuôi nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ lệ cao, nhận thức của người dân về chăn nuôi an toàn sinh học và chủ động phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm còn hạn chế. Giá thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu tăng do phụ thuộc vào việc nhập khẩu từ các nước khác (hàng tỷ USD mỗi năm), khiến giá thành sản xuất “đội lên”, bởi chi phí thức ăn chiếm tỷ trọng từ 60 đến 75% trong cơ cấu giá thành sản phẩm chăn nuôi. Việc chăn nuôi vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, tồn tại và chậm chuyển đổi. Giá cả sụt giảm, nhất là dịch bệnh trên đàn heo lan rộng gây thiệt hại lớn, phải tiêu hủy nhiều đàn heo.</p>
<b>Nông Lâm kết hợp</b>	<p>Các mô hình nông lâm kết hợp còn mang tính chất rời rạc, chưa có một cơ quan hoặc đơn vị quản lý nào tổng hợp thành cơ sở dữ liệu về nông lâm kết hợp một cách đầy đủ, có hệ thống. Đặc biệt là chưa có cơ chế chính sách cụ thể nào cho vấn đề này. Do trong tất cả các chủ trương, chính sách chiến lược về phát triển nông nghiệp đều có định hướng phát triển theo hướng chuyên canh, tạo ra những vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn gắn với chế biến, trong khi đó, chính sách về lâm nghiệp lại có xu hướng bảo vệ rừng và hạn chế tiếp cận các nguồn lực từ rừng.</p> <p>Hiện nay dù Việt Nam đã có chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng nhưng tại một số tỉnh như Long An vẫn chưa chi trả được cho chủ rừng vì không biết cách chi trả, định mức chưa được làm rõ.</p>

Nguồn: Hưng Tân (2019), Hương Lý (2019), Chương (2021), Anh Quang và Ngọc Sơn (2023), Văn (2023), Chu Khôi (2023), Phùng (2023), (BB, 2023); Kết quả tổng hợp từ thảo luận tại Hội thảo tham vấn quốc gia



## 6 Kết luận

Đồng bằng sông Cửu Long không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp và đảm bảo an ninh lương thực cho toàn quốc và khu vực mà còn có thể giúp Việt Nam đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải khi tiến hành thực hiện hệ thống lương thực giảm phát thải thấp. Với hệ thống chính sách đang dần hoàn thiện ở cả cấp trung ương và địa phương, hơn nữa, nguồn tài chính dành cho các tỉnh ĐBSCL từ cả khối tư nhân và nhà nước cho công tác biến đổi và thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời, những chuyển biến của địa phương khi các hộ gia đình và doanh nghiệp liên kết sản xuất quy mô lớn và áp dụng các mô hình khoa học giảm phát thải, các tỉnh ĐBSCL có thể phát huy các ưu thế cạnh tranh cho các sản phẩm nông sản và tận dụng các thỏa thuận thương mại giữa Việt Nam và các quốc gia khác để phát triển hệ thống sản xuất nông sản bền vững.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng gặp một số thách thức trong việc phát triển hệ thống lương thực phát thải thấp, có thể kể đến như là các khó khăn do áp lực dân số gia tăng, bất ổn của thị trường, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu; thiếu thể

chế - chính sách; thiếu nguồn lực về con người, thiếu vốn, khả năng tiếp cận với lương thực thực phẩm thấp nhất là ở vùng nông thôn và đối với các nhóm dễ tổn thương bao gồm phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số. Việc thiếu một hệ thống theo dõi, giám sát và báo cáo về phát thải cho toàn bộ hệ thống lương thực, sự chồng chéo và thiếu nhất quán giữa các chính sách, thiếu phối hợp hiệu quả giữa các ngành cũng tạo nhiều khó khăn cho việc triển khai các chính sách phát triển xanh tại địa phương.

Để có hệ thống lương thực phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long, cần có những chính sách thay đổi vĩ mô về quản lý tổng hợp và đa ngành thúc đẩy và cân nhắc cả ba mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường đồng thời tạo ra các thay đổi về hành vi và lối sống xanh. Ngoài ra, cũng cần nâng cao năng lực và hỗ trợ các nghiên cứu để xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ và minh bạch về hệ thống lương thực cũng như thúc đẩy sự tham gia của các bên có liên quan đặc biệt là phụ nữ và nhóm người yếu thế trong mọi quyết định và chính sách trong tương lai có liên quan đến hệ thống lương thực bền vững.

# Tài liệu tham khảo

- Anh Phương. 2023. *An ninh lương thực quốc gia được đảm bảo* [Internet]. Báo Sóc Trăng. <https://www.baosoctrang.org.vn/kinh-te/an-ninh-luong-thuc-quoc-gia-duoc-dam-bao-66960.html>
- Anh Quang và Ngọc Sơn. 2023. *Tập trung giải quyết những khó khăn của ngành chăn nuôi*. Báo Nhân Dân. <https://nhandan.vn/tap-trung-giai-quyet-nhung-kho-khan-cua-nganh-chan-nuoi-post738986.html>
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. 2012. *Kết luận số 28-KL/TW, ngày 14/8/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng Sông Cửu Long, thời kỳ 2011–2020* [Internet]. Cổng Thông Tin Đảng Bộ Tỉnh Hà Tĩnh. <https://hatinh.dcs.vn/ket-luan/archives/28-kltw.html>
- Bào An. 2022. *Diễn đàn kinh tế thế giới: Đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu*. [Internet]. Tạp chí điện tử Năng lượng sạch Việt Nam. <https://nangluongsachvietnam.vn/d6/vi-VN/news/Dien-dan-kinh-te-the-gioi-Dam-bao-an-ninh-luong-thuc-toan-cau-6-14-16568>
- Báo Chính phủ. 2023. *Cân đối nguồn lúa, gạo phục vụ nhu cầu trong nước, xuất khẩu, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống* [Internet]. Cổng thông tin điện tử chính phủ. <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/can-doi-nguon-lua-gao-phuc-vu-nhu-cau-trong-nuoc-xuat-khau-dam-bao-an-ninh-luong-thuc-quoc-gia-trong-moi-tinh-huong-119230806132859724.htm>
- Báo Nhân dân. 2023. *Việt Nam chia sẻ quan tâm về an ninh lương thực* [Internet]. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/viet-nam-chia-se-quan-tam-ve-an-ninh-luong-thuc-post735493.html>
- BB. 2023. *Tăng cường các giải pháp đảm bảo an ninh lương thực trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp* [Internet]. Báo Hậu Giang. <https://www.baohaugiang.com.vn/thoi-su-trong-tinh/tang-cuong-cac-giai-phap-dam-bao-an-ninh-luong-thuc-trong-boi-can-tinh-hinh-the-gioi-dien-bien-phuc-tap-124092.html>
- [Bộ NNPTNT] Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2021. *Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam: giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050* [Internet]. [https://cuclamnghiep.gov.vn/content/uploads/files/VFDS-Book\\_VN.pdf](https://cuclamnghiep.gov.vn/content/uploads/files/VFDS-Book_VN.pdf)
- [Bộ NNPTNT] Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2023. *Quyết định số 1693/QĐ-BNN-KHCN, Phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050*. <https://psav-mard.org.vn/upload/userfiles/upload/userfiles/files/QD-1693-phe-duyet-KHHD-NN-2023-04-28.pdf>
- Cao LQ và Hoàng VC. 2018. *Bước đầu ước tính tiềm năng giảm phát thải trong phát triển nuôi trồng thủy sản và hành động ứng phó* [Internet]. Bộ NN-PTNT. [https://www.mard.gov.vn/\\_CONTROLS/ESPORTAL/PubAnPhamTTChiTiet/Service.svc/download/L0FuUGhhbVRUL0xpc3RzL0FuUGhhbVRU/378](https://www.mard.gov.vn/_CONTROLS/ESPORTAL/PubAnPhamTTChiTiet/Service.svc/download/L0FuUGhhbVRUL0xpc3RzL0FuUGhhbVRU/378)
- Care Climate Change. 2021. *Tăng cường An ninh lương thực & Cải thiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số (EFSEM)* [Internet]. <https://careclimatechange.org/wp-content/uploads/2019/03/EFSEM-Enhancement-of-Food-Security-for-Minorities-in-Northern-Vietnam.pdf>
- [CDKN] Climate & Development Knowledge Network. 2014. *Land Use, Food Security and Climate Change in Vietnam* [Internet]. <https://cdkn.org/sites/default/files/files/Land-Use-Food-Security-Climate-in-Vietnam-Policy-Brief.pdf>

- Chính phủ. 2021. *Nghị quyết số 34/NQ-CP Về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/03/34.signed.pdf>
- Chu Khôi. 2023. *Phát triển ngành hàng tôm ít phát thải và bền vững* [Internet]. VnEconomy. <https://vneconomy.vn/phan-trien-nganh-hang-tom-it-phat-thai-va-ben-vung.htm>
- Chương P. 2021. *Nông dân Đồng bằng sông Cửu Long khốn đốn vì lúa và trái cây giảm giá*. VnEconomy, Tạp chí điện tử của Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam. <https://vneconomy.vn/nong-dan-dong-bang-song-cuu-long-khon-don-vi-lua-va-trai-cay-giam-gia.htm>
- CIAT. 2017. The Food System. International Center for Tropical Agriculture (CIAT). Cali.CO. 1p. <https://cgspace.cgiar.org/handle/10568/89404>
- Dang HD. 2020. Sustainability of the rice-shrimp farming system in Mekong Delta, Vietnam: a climate adaptive model. *Journal of Economics and Development*, 22(1), 21–45. <https://doi.org/10.1108/jed-08-2019-0027>
- Duy Linh. 2023. *Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm đảm bảo an ninh lương thực tại WEF* [Internet]. Tuổi Trẻ Online. <https://tuoitre.vn/viet-nam-chia-se-kinh-nghiem-dam-bao-an-ninh-luong-thuc-tai-wef-20230118124851517.htm>
- Đỗ H. 2023. *Hoàn thiện Đề án phát triển 1 triệu ha lúa giảm phát thải* [Internet]. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/hoan-thien-de-an-phat-trien-1-trieu-ha-lua-chat-luong-cao-giam-phat-thai-102230329191115412.htm>
- GTZ và AusAID. 2010. Climate Change And Coastal Ecosystems Programme. Uea International Development. <https://www.dfat.gov.au/sites/default/files/cccep-gender-analysis-report.pdf>
- Gia Bảo. 2021. Đầu tư hoàn thiện chuỗi giá trị trái cây ĐBSCL. [vietlinh.vn. http://vietlinh.vn/tin-tuc/2021/cay-an-trai-2021-s.asp?ID=269](http://vietlinh.vn/tin-tuc/2021/cay-an-trai-2021-s.asp?ID=269)
- Hà T và Hà N. 2023. *Export demand should not jeopardize Vietnam food security: experts* [Internet]. VnExpress International. <https://e.vnexpress.net/news/business/industries/export-demand-should-not-jeopardize-vietnam-food-security-experts-4637801.html>
- Hải Anh. 2022. *Giải pháp giúp giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam* [Internet]. Tạp chí điện tử Kinh tế môi trường. <https://kinhthemoitruong.vn/giai-phap-giup-giam-phat-thai-khi-nha-kinh-trong-hoat-dong-chan-nuoi-tai-viet-nam-72883.html>
- [HLPE] Hội đồng chuyên gia quốc tế cấp cao về An ninh lương thực và dinh dưỡng. 2014. Food losses and waste in the context of sustainable food systems. A report by the High Level Panel of Experts on Food Security and Nutrition of the Committee on World Food Security, Rome 2014.
- Hoàng XT, Trương TA, Lưu TQ, Đinh TG, Đinh TTP. 2013. *Food security in the context of Vietnam's rural-urban linkages and climate change* [Internet]. International Institute for Environment and Development. <http://www.jstor.org/stable/resrep01291>
- Hồ QD. 2022. Vì sao tỷ lệ xuất cư ở ĐBSCL cao? [thanhvien.vn. https://thanhvien.vn/vi-sao-ti-le-xuat-cu-o-dbscl-cao-1851518805.htm](https://thanhvien.vn/vi-sao-ti-le-xuat-cu-o-dbscl-cao-1851518805.htm)
- Hội đồng điều phối vùng Đồng Bằng sông Cửu Long. 2023. *Quyết định số 52/QĐ-HĐDPĐBSCL về việc ban hành quy chế hoạt động của hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2023/9/52-hd.signed.pdf>
- Hutton CW, Hensengerth O, Berchoux T, Tri VPD, Tong T, Hung N, Voepel H, Darby S, Bui D, Bui TN, Nguyen H, and Parsons D. 2021. Stakeholder expectations of future policy implementation compared to formal policy trajectories: Scenarios for agricultural food systems in the Mekong delta [Internet]. *Sustainability* 13(10):5534. <https://www.mdpi.com/2071-1050/13/10/5534>
- Huyền Vy. 2023. *PM: Vietnam ensures rice exports for global food security* [Internet]. VnEconomy. <https://vneconomy.vn/pm-vietnam-ensures-rice-exports-for-global-food-security.htm>
- Hùng Tân. 2019. *Đồng bằng sông Cửu Long: Hướng đến mô hình chăn nuôi bền vững*. Hậu Giang Online. <https://baohaugiang.com.vn/kinh-te/dong-bang-song-cuu-long-huong-den-mo-hinh-chan-nuoi-ben-vung-81207.html>
- Hương Lý. 2019. *Nhiều rào cản phát triển mô hình nông lâm kết hợp ở Đắk Lắk* [Internet]. VOV. <https://vov.vn/kinh-te/nhieu-rao-can-phat-trien-mo-hinh-nong-lam-ket-hop-o-dak-lak-869238.vov>

- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023a. Xác định dấu chân các-bon của chuỗi giá trị lúa gạo. IRRI.
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023b. Phân tích chi phí-tác động cho các dự án giảm phát thải.
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023c. Lập bản đồ thích hợp cho thực hành tưới ngập khô xen kẽ trong sản xuất lúa
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023d. Hệ thống tham chiếu địa lý giám sát lúa gạo và MRV đối với KNK (RiceMoRe)
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023e. Công cụ tính Khí nhà kính từ đất trồng trọt điều chỉnh theo nguồn phát thải.
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023f. Đề xuất hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá trong ngành lúa gạo
- [IRRI] International Rice Research Institute. 2023g. Showcasing rice straw innovations for farmers in Vietnam's Mekong River Delta. Available from: <https://www.irri.org/news-and-events/news/showcasing-rice-straw-innovations-farmers-vietnam%E2%80%99s-mekong-river-delta>
- Kim Long. 2020. *Thêm cảnh báo nóng về sông Mekong* [Internet]. Báo Nông nghiệp Việt Nam. <https://nongnghiep.vn/them-canh-bao-nong-ve-song-mekong-d264162.html>
- Khánh Anh. 2022. *ĐBSCL: Tiên phong giảm phát thải trong nông nghiệp. Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bản tin* [Internet]. Bộ tài nguyên và môi trường. <https://monre.gov.vn/Pages/dbscl-tien-phong-giam-phat-thai-trong-nong-nghiep.aspx>
- Lê CBT và Umetsu C. 2022. Rice variety and sustainable farming: A case study in the Mekong Delta, Vietnam. *Environmental Challenges* 8(100532):100532. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2667010022000919>
- Lê MH. 2020. Bí thư Tỉnh ủy nhận định, đề xuất về an ninh lương thực. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp. [https://dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset\\_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/557345?plidlayout=5205](https://dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/557345?plidlayout=5205)
- Lê B. 2023. *Giảm phát thải là bài toán khó của chăn nuôi* [Internet]. Nông nghiệp Việt Nam. <https://nongnghiep.vn/nganh-chan-nuoi-di-tim-loi-giai-bai-toan-giam-phat-thai-d364810.html>
- Lê TH, Trần QB, Tra VT, Nguyễn TPT, Lê TN, Schnitzer H, Brauneig G, Lê S, Hoàng CT, Nguyễn XC, Nguyễn VH, Peng W, Kim SY; Lam SS, Lê VQ. 2020. Integrated farming system producing zero emissions and sustainable livelihood for small-scale cattle farms: Case study in the Mekong Delta, Vietnam. *Environ Pollut* 265(114853):114853. <https://doi.org/10.1016/j.envpol.2020.114853>
- Minh Đạt. 2020. *Bạc Liêu: Góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia* [Internet]. Báo Bạc Liêu. Bạc Liêu online. <https://www.baobaclieu.vn/nong-nghiep-nong-dan-nong-thon/bac-lieu-gop-phan-dam-bao-an-ninh-luong-thuc-quoc-gia-64142.html>
- Minh Ngọc. 2022. 2,2 tỷ USD tài trợ để phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long. *baochinhphu.vn*. <https://baochinhphu.vn/22-ty-usd-tai-tro-de-phat-trien-ben-vung-dong-bang-song-cuu-long-10222062113484446.htm>
- Ngân hàng Thế giới. 2016. *Food safety risk management in Vietnam: Challenges and opportunities*. World Bank Group. <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/food-safety-risk-management-in-vietnam-challenges-and-opportunities>
- Ngân hàng Thế giới. 2022. *Half a World Apart, Vietnam and the Sahel Face Climate-fueled Food Challenges* [Internet]. The World Bank. <https://www.worldbank.org/en/news/feature/2022/11/11/half-a-world-apart-vietnam-and-the-sahel-face-climate-fueled-food-challenges>
- Nguyen TTT, Tran TH, Nguyen TPT, Le QV, Schnitzer H, Le TS. 2022. An economic-environmental-energy efficiency analysis for optimizing organic waste treatment of a livestock-orchard system: a case in the Mekong Delta, Vietnam. *Energy Sustain Soc* 12(1). Available from: <http://dx.doi.org/10.1186/s13705-022-00347-3>
- Nguyễn HMT, Piaseu N, Leelacharus S, Tangcharoensathien V. 2021. *Prevalence and Predictors of Food Insecurity in Urban Poor Fishery Households in Vietnam: A Cross-sectional Study*. *PRIJNR* [Internet] 26(1):21-36. <https://he02.tci-thaijo.org/index.php/PRIJNR/article/view/255272>
- Nguyễn K. 2023a. *DIỄN ĐÀN AN NINH LƯƠNG THỰC: Chọn đường dài hay ngắn cho xuất khẩu gạo?* [Internet]. Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/dien-dan-an-ninh-luong-thuc-chon-duong-dai-hay-ngan-cho-xuat-khau-gao-737270>



- Nguyễn L. 2023b. Phát triển chăn nuôi bền vững để đóng góp lớn vào tăng trưởng nông nghiệp. Báo kiểm toán nhà nước. <http://baokiemtoan.vn/phat-trien-chan-nuoi-ben-vung-de-dong-gop-lon-vao-tang-truong-nong-nghiep-27842.html>
- Nguyễn TP, Lee J-Y và Nguyễn DK. 2022. The Impact of Land Fragmentation in Rice Production on Household Food Insecurity in Vietnam. *Sustainability* 14(18):11162. <https://doi.org/10.3390/su141811162>
- Nguyễn T và Minh S. 2023. *Chuyên gia FAO gợi mở để đảm bảo an ninh lương thực tại Việt Nam* [Internet]. Báo Nông Nghiệp Việt Nam. <https://vietnamagriculture.nongnghiep.vn/fao-expert-made-several-suggestions-to-improve-food-security-in-vietnam-d354499.html>
- Pulliat G. 2015. Food securitization and urban agriculture in Hanoi (Vietnam). *Articulo* [Internet] (Special Issue 7). <https://journals.openedition.org/articulo/2845>
- Phạm Hải. 2023. *Kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải chuỗi cá tra tại Việt Nam* [Internet]. VOV. <https://vov.vn/kinh-te/kinh-te-tuan-hoan-giam-phat-thai-chuoi-ca-tra-tai-vietnam-post1050721.vov>
- Pham TA, Kroeze C, Bush SR, Mol APJ. 2010. Water pollution by Pangasius production in the Mekong Delta, Vietnam: causes and options for control: Water pollution by Pangasius production in the Mekong Delta. *Aquac Res* 42(1):108–28. <http://dx.doi.org/10.1111/j.1365-2109.2010.02578.x>
- Pham TT, Brockhaus M. 2016. Gender mainstreaming in REDD+ and PES - Lessons learned from Vietnam. *Sustainabledevelopment.un.org*. [https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/977741\\_Thuy%20et%20al.\\_Gender%20mainstreaming%20in%20REDD+%20and%20PES%20-%20Lessons%20learned%20from%20Vietnam.pdf](https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/977741_Thuy%20et%20al._Gender%20mainstreaming%20in%20REDD+%20and%20PES%20-%20Lessons%20learned%20from%20Vietnam.pdf)
- Pham TT, Mai YH, Moeliono M, Brockhaus M. 2016. Women's participation in REDD+ national decision-making in Vietnam. *Int For Rev* 18(3):334–44. Available from: <https://www.cifor.org/knowledge/publication/6200/>
- Pham TT, Vien NN, Vo QT, Tang TKH, Nguyen TL, Tran NMH, Nguyen TTA, Nguyen TVA and Nguyen NQ. 2022. Opportunities and challenges for mangrove restoration in the Mekong Delta: Status, policies and stakeholder outlook. Occasional Paper 233. Bogor, Indonesia: CIFOR.
- Phan T & Lâm MH. 2020. Cơ cấu dân số ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và các khuyến nghị chính sách. *Lyluanchintri.vn*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/3279-co-cau-dan-so-o-dong-bang-song-cuu-long-thuc-trang-va-cac-khuyen-nghi-chinh-sach.html>
- Phan T. 2019. Biến đổi cơ cấu xã hội - nghề nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Lyluanchintri.vn*. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2855-bien-doi-co-cau-xa-hoi-nghe-nghiep-o-dong-bang-song-cuu-long.html>
- Phùng D. 2023. *Phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao vùng đồng bằng sông Cửu Long* [Internet]. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/phat-trien-ben-vung-1-trieu-ha-lua-chuyen-canh-chat-luong-cao-vung-dong-bang-song-cuu-long-post746794.html>
- Quốc hội Việt Nam. 2023. *Nghị Quyết 81/2023/Qh15 Về Quy Hoạch Tổng Thể Quốc Gia Thời Kỳ 2021-2030* [Internet]. Thư Viện Pháp Luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Nghi-quyet-81-2023-QH15-Quy-hoach-tong-the-quoc-gia-thoi-ky-2021-2030-551296.aspx>
- SGGP. 2021. “Passport” for Mekong Delta fruits. *Vietnamnet.vn*. <https://vietnamnet.vn/en/passport-for-mekong-delta-fruits-734468.html>
- Song Hà. 2002. *Xuất khẩu gạo vào Asean: Cửa rộng nhưng vẫn vướng* [Internet]. *VnEconomy*. <https://vneconomy.vn/xuat-khau-gao-vao-asean-cua-rong-nhung-van-vuong.htm>
- [GSO] Tổng Cục Thống kê: Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.57, 58, 62, 63, 64, 124, 120, 268, 233, 290, 293, 262, 260, 125.
- [TTXVN] Thông tấn xã Việt Nam. 2022. Tổng quan về Vùng đồng bằng sông Cửu Long [Internet]. *TTXVN*. <https://infographics.vn/tong-quan-ve-vung-dong-bang-song-cuu-long/63704.vna>
- [TTXVN] Thông tấn xã Việt Nam. 2023a. Việt Nam cam kết đóng góp trong bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu [Internet]. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphe.vn/viet-nam-cam-ket-dong-gop-trong-bao-dam-an-ninh-luong-thuc-toan-cau-102230804143651214.htm>

- [TTXVN] Thông tấn xã Việt Nam. 2023b. Hội nghị lần thứ nhất Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long [Internet]. <https://baotintuc.vn/thoi-su/hoi-nghi-lan-thu-nhat-hoi-dong-dieu-phoi-vung-dong-bang-song-cuu-long-20230927150908452.htm>
- Tuyết Minh. 2021. *Nông nghiệp Cà Mau - Mô hình tôm - lúa và bài học kinh nghiệm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh cà mau* [Internet]. [https://nongnghiepcamau.vn/so-nong-nghiep-ca-mau/thong-tin-nong-nghiep/chuong-trinh-du-an/mo-hi%CC%80nh-tom-lu%CC%81a-va%CC%80-ba%CC%80i-ho%CC%A3c-kinh-nghie%CC%A3m-da%CC%89m-ba%CC%89o-an-ninh-luong-thu%CC%A3c-quo%CC%81c-gia-trong\\_61308f428650be8ccc92521e](https://nongnghiepcamau.vn/so-nong-nghiep-ca-mau/thong-tin-nong-nghiep/chuong-trinh-du-an/mo-hi%CC%80nh-tom-lu%CC%81a-va%CC%80-ba%CC%80i-ho%CC%A3c-kinh-nghie%CC%A3m-da%CC%89m-ba%CC%89o-an-ninh-luong-thu%CC%A3c-quo%CC%81c-gia-trong_61308f428650be8ccc92521e)
- Tuyết Nghĩa và Tùng Duy Phong. 2023. *Thời cơ mới cho ngành lúa gạo bút phá* [Internet]. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/thoi-co-moi-cho-nganh-lua-gao-but-pha-post770489.html>
- Thanh Hằng. 2023. *An ninh lương thực đối mặt nhiều thách thức* [Internet]. Báo Sài Gòn Giải Phóng. <https://www.sggp.org.vn/an-ninh-luong-thuc-doi-mat-nhieu-thach-thuc-post694827.html>
- Thanh Liêm. 2022. Tập trung nguồn lực phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long. VietnamPlus. <https://www.vietnamplus.vn/tap-trung-nguon-luc-phat-trien-vung-dong-bang-song-cuu-long-post799973.vnp>
- Thu Phương. 2023a. *Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long: Thuận thiên để thích ứng (Bài 2)* [Internet]. Báo ảnh Dân tộc và Miền núi. <https://dantocmiennui.vn/phat-trien-ben-vung-dong-bang-song-cuu-long-thuan-thien-de-thich-ung-bai-2/341237.html>
- Thu Phương. 2023b. *Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long: Thuận thiên để thích ứng (Bài 3)* [Internet]. Báo ảnh Dân tộc và Miền núi. <https://dantocmiennui.vn/phat-trien-ben-vung-dong-bang-song-cuu-long-thuan-thien-de-thich-ung-bai-3/341238.html>
- Thu Phương. 2023c. *Phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long: Thuận thiên để thích ứng (Bài 1)* [Internet]. Báo ảnh Dân tộc và Miền núi. <https://dantocmiennui.vn/phat-trien-ben-vung-dong-bang-song-cuu-long-thuan-thien-de-thich-ung-bai-1/341236.html>
- Thủ tướng Chính phủ. 2022a. *Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050* [Internet]. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/quyet-dinh-so-287qd-ttg-ngay-28022022-cua-thu-tuong-chinh-phu-phe-duyet-quy-hoach-vung-dong-bang-song-cuu-long-thoi-ky-2021-8354>
- Thủ tướng Chính phủ. 2022b. *Nghị quyết Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* [Internet]. <https://binhdinh.gov.vn/van-ban-trung-uong-sao-luc/nghi-quyet-ban-hanh-chuong-trinh-hanh-dong-cua-chinh-phu-thuc-hien-nghi-quyet-so-13-nq-tw-ngay-02-4-2022-cua-bo-chinh-tr.html>
- Thủ tướng Chính phủ. 2022c. *Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* [Internet]. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205964>
- Thủ tướng Chính phủ. 2023. *Quyết định số 52/QĐ-HĐĐPĐBSCL của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL: Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long* [Internet]. <https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=208588>
- Thúy An. 2022. *Đồng bằng sông Cửu Long hướng đến nền nông nghiệp hiện đại tuần hoàn và phát thải thấp* [Internet]. Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/dong-bang-song-cuu-long-huong-den-nen-nong-nghiep-hien-dai-tuan-hoan-va-phat-thai-thap-714405>
- Thúy An. 2023. **DIỄN ĐÀN AN NINH LƯƠNG THỰC: Ông Nguyễn Như Cường, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Biến đổi khí hậu không ảnh hưởng xuất khẩu và an ninh lương thực** [Internet]. Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/dien>



- dan-an-ninh-luong-thuc-ong-nguyen-nhu-cuong-cuc-truong-cuc-trong-trot-bo-nong-nghiep-va-phat-trien-nong-thon-bien-doi-khi-hau-khong-anh-huong-den-san-xuat-lua-va-an-ninh-luong-thuc-quoc-gia-737315
- Tra VT, Nguyễn TPT, Lê QV, Trần TH, Lê TS, Braunegg S, Braunegg G, Schnitzer H, Lê TH. 2021. Waste treatment and soil cultivation in a zero-emission integrated system for catfish farming in Mekong delta, Vietnam. *J Clean Prod* 288(125553):125553. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0959652620355992>
- Trần DD, Hữu LH, Hoàng LP, Phạm TD, Nguyễn HA. 2021. Sustainability of rice-based livelihoods in the upper floodplains of Vietnamese Mekong Delta: Prospects and challenges. *Agricultural Water Management* [Internet] <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0378377420313779>
- Trần L. 2023. *Phát hành trái phiếu xanh, mua bán tín chỉ carbon... TP.HCM tính thu về chục tỷ USD*. Tạp chí Đầu tư Tài chính – VietnamFinance. <https://vietnamfinance.vn/phanh-hanh-trai-phieu-xanh-mua-ban-tin-chi-carbon-tphcm-tinh-thu-ve-chuc-ty-usd-20180504224288545.htm>
- Trần VT, Mai VT, Nguyễn TDT, Lê HA, Richards MB, Sebastian L, Wollenberg E, Vũ DQ, Sander BO. 2019. *An investment plan for low-emission rice production in the Mekong River Delta region in support of Vietnam's Nationally Determined Contribution to the Paris Agreement*. CCAFS Working Paper no. 263. Wageningen, Netherlands: CGIAR Research Program on Climate Change, Agriculture and Food Security (CCAFS).
- Trương TQV. 2022. *4 vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam và các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng*. Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương. <https://vioit.org.vn/vn/tin-hoat-dong-nganh/4-vung-kinh-te-trong-diem-viet-nam-va-cac-giai-phap-thuc-day-tang-truong-4697.4056.html#:~:text=Hi%E1%BB%87n%20nay%2C%20n%C6%B0%E1%BB%9Bc%20ta%20c%C3%B3,ph%E1%BB%91%20tr%E1%BB%B1c%20thu%E1%BB%99c%20Trung%20C6%B0C6%A1ng>
- [UNFPA] Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc. 2017. Báo cáo tóm tắt: Tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam và các đề xuất chính sách.
- [USAID] United States Agency for International Development. 2023. GENDER ANALYSIS REPORT Climate Resilient Agriculture in the Mekong Delta [Internet]. Usaid.gov. Available from: [https://pdf.usaid.gov/pdf\\_docs/PA00ZTR9.pdf](https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PA00ZTR9.pdf)
- [USDA] Bộ Nông Nghiệp Hoa Kỳ. 2023. Vietnam: Rice trade - monthly. USDA Foreign Agricultural Service. <https://fas.usda.gov/data/vietnam-rice-trade-monthly-74>
- [VASEP] Hiệp hội các nhà xuất khẩu và chế biến thủy sản Việt Nam. 2023. Large space for the fisheries industry in the Mekong Delta. Vietdata Research. <https://www.vietdata.vn/post/large-space-for-the-fisheries-industry-in-the-mekong-delta>
- Văn Khương. 2022. *Diễn đàn Mekong Startup lần I: “Từ bài toán đi tới hành động”*. Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp. [https://dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset\\_publisher/1mOzUrGkrDAE/content/id/13764994?plidlayout=59](https://dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrDAE/content/id/13764994?plidlayout=59)
- VCCI và Fulbright. 2020. *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long 2022: Nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững*. [https://fsppm.fulbright.edu.vn/download/VCCI-Fulbright-Mekong-Report-2020\\_Final\\_M.pdf](https://fsppm.fulbright.edu.vn/download/VCCI-Fulbright-Mekong-Report-2020_Final_M.pdf)
- VCCI và Fulbright. 2022. *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long 2022: Chuyển đổi mô hình phát triển và Quy hoạch tích hợp*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. <https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/TomTatBaoCao-2022-08-16-15473462.pdf>
- [VFM] Vietnam Fisheries Magazine. 2021. Mekong Delta fishery export reached nearly 2 billion USD. VFM. <https://vietfishmagazine.com/markets/mekong-delta-fishery-export-reached-nearly-2-billion-usd.html>
- [VFM] Vietnam Fisheries Magazine. 2022. Mekong Delta Provinces: Pangasius exports aim to reach USD 2.3 billion in 2023. VFM. <https://vietfishmagazine.com/markets/the-mekong-delta-provinces-pangasius-exports-aim-to-reach-usd-2-3-billion-in-2023.html>
- VGP. 2023. Việt Nam cam kết hợp tác xây dựng lưu vực sông Mekong thịnh vượng, công bằng [Internet]. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. <http://mattran.org.vn/tin-tuc/viet-nam-cam-ket-hop-tac-xay-dung-luu-vuc-song-mekong-thinh-vuong-cong-bang-49900.html>

- [VNA] Thông tấn xã Việt Nam. 2019. Vietnam ranks fourth in Southeast Asia in food security [Internet]. VietnamPlus. <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-ranks-fourth-in-southeast-asia-in-food-security/165497.vnp>
- [VNA] Thông tấn xã Việt Nam. 2021a. Vietnam wants to become food innovation hub in the region: President [Internet]. Vietnamnet.vn. <https://vietnamnet.vn/en/vietnam-wants-to-become-food-innovation-hub-in-the-region-president-777557.html>
- [VNA] Thông tấn xã Việt Nam. 2021b. Mekong Delta faces challenge to reducing greenhouse gas emissions in rice farming [Internet]. Vietnamnet.vn. <https://vietnamnet.vn/en/mekong-delta-faces-challenge-to-reducing-greenhouse-gas-emissions-in-rice-farming-804136.html>
- [VNA] Thông tấn xã Việt Nam. 2021c. More fruit, vegetable export opportunities for Vietnamese produce next year. Vietnamplus. Available from: <https://en.vietnamplus.vn/more-fruit-vegetable-export-opportunities-for-vietnamese-produce-next-year/218107.vnp>
- [VNS] Việt Nam News. 2022. Việt Nam must scale-up budget for climate change adaptation [Internet]. vietnamnews.vn. <https://vietnamnews.vn/environment/1164088/viet-nam-must-scale-up-budget-for-climate-change-adaptation.html>
- [VNS] Việt Nam News. 2023. The vanishing catch: How women are suffering in the Mekong Delta [Internet]. Asia News Network. Available from: <https://asianews.network/the-vanishing-catch-how-women-are-suffering-in-the-mekong-delta/>
- Vũ BQ. 2018. *Liên kết sản xuất nâng cao chuỗi giá trị giống lúa ST20 ở Sóc Trăng*. <http://www.sotuphaphsoctrang.gov.vn/snnptnt/1282/30591/53961/264632/Mo-hinh-hieu-qua/LIEN-KET-SAN-XUAT-NANG-CAO-CHUOI-GIA-TRI-GIONG-LUA-ST20-O-SOC-TRANG.aspx>
- Vũ K, Nguyễn DTV, Vũ TTA, Nguyễn NA. 2022. *Income shock and food insecurity prediction Vietnam under the pandemic*. World Development. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0305750X22000286>
- Vũ TP, Phạm TT, Trần NMH, Nguyễn TTA, Nguyễn TVA và Tăng TKH. 2023. Thị trường các-bon xanh tại Việt Nam: Tiềm năng và thách thức phát triển trong tương lai. Báo cáo chuyên đề 9. Bogor, Indonesia: Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR); Nairobi, Kenya: Tổ chức Nông Lâm Thế Giới (ICRAF).
- VUSTA. 2010. *Đồng bằng sông Cửu Long: Vùng kinh tế trọng điểm thứ tư của Việt Nam*. Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam. <https://vusta.vn/dong-bang-song-cuu-long-vung-kinh-te-trong-diem-thu-tu-cua-viet-nam-p64649.html>
- Vương TN, Văn Đặng C, Toze S, Jagals P, Gatton M, Gallegos D. 2023. *Household Food Insecurity in Regions of the Vietnamese Mekong Delta: Prevalence and Risk factors*. Journal of Hunger & Environmental Nutrition [Internet] 18(4):503–23. <http://dx.doi.org/10.1080/19320248.2022.2090883>
- Xuân Tuyền. 2017. *Việt Nam sẵn sàng phối hợp với các thành viên APEC bảo đảm an ninh lương thực* [Internet]. Báo Điện tử Chính phủ. <https://baochinhphu.vn/viet-nam-san-sang-phoi-hop-voi-cac-thanh-vien-apec-bao-dam-an-ninh-luong-thuc-102226022.htm>
- Yamamoto A, Huynh TKU, Saito Y. 2022. Assessing the costs of GHG emissions of multi-product agricultural systems in Vietnam. Sci Rep 12, 18172. <https://doi.org/10.1038/s41598-022-20273-w>

ISBN: 978-9966-108-81-4  
DOI: 10.17528/cifor-icraf/009041

**Các báo cáo chuyên đề của CIFOR** chuyển giao các kết quả nghiên cứu quan trọng đối với ngành lâm nghiệp. Nội dung của báo cáo đều được đánh giá bởi các chuyên gia trong và ngoài tổ chức.

Báo cáo này cung cấp bức tranh tổng thể về các bên có liên quan định hướng chính sách và thực tiễn triển khai các chính sách và chương trình liên quan đến hệ thống lương thực giảm phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long – trung tâm sản xuất và cung ứng lương thực lớn nhất của Việt Nam. Báo cáo được thực hiện dựa trên rà soát khung pháp lý và chính sách, quyết định của Chính Phủ Việt Nam, tài liệu thứ cấp và dựa trên ý kiến chia sẻ của các chuyên gia trong hội thảo tham vấn quốc gia. Báo cáo cũng xác định cơ hội và thách thức để xây dựng và triển khai hệ thống lương thực phát thải thấp tại khu vực này.

[cifor-icraf.org](http://cifor-icraf.org)

[cifor.org](http://cifor.org) | [worldagroforestry.org](http://worldagroforestry.org)



#### CIFOR-ICRAF

Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế và Nông lâm Thế giới (CIFOR-ICRAF) thúc đẩy vai trò quan trọng của cây cối, rừng và cảnh quan Nông lâm kết hợp để giải quyết những thách thức lớn nhất trên toàn cầu hiện nay như mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, sinh kế và bất bình đẳng. CIFOR và ICRAF là các Trung tâm Nghiên cứu CGIAR.

